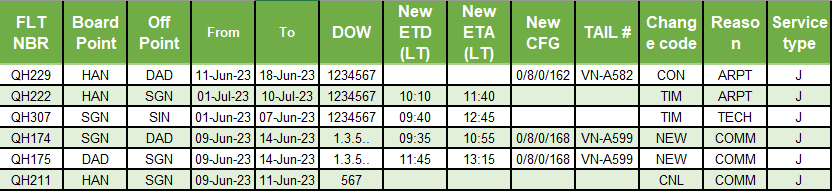
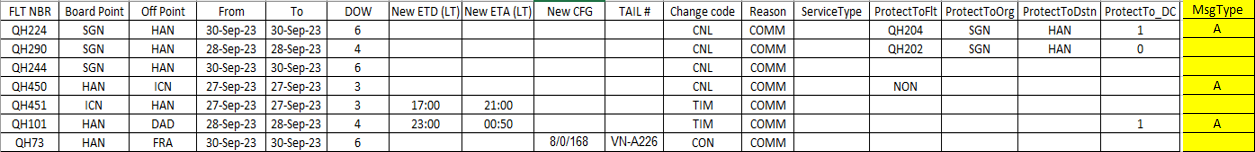
**SC on SET**

## I. Định dạng file input và quy ước

Sau khi nhận được điện triển khai từ SKD, sử dụng bảng triển khai từ SKD để làm file input cho tool

*Điện triển khai*



*File input sẽ dùng form cố định như sau:*

Note:

* **MsgType**: Nếu để A tức khi convert sẽ convert thành điện ASM, để trống sẽ convert thành điện SSM
* Cancel

Với các chuyến hủy phần Protect to đang để 1 chuyến bay thay thế 🡪 Khi hủy chuyến sẽ không theo AFS mà theo phương án chuyến bay mới được đưa ra. Với IFA để trống hoặc 0 sẽ là cùng ngày với chuyến bị hủy, 1 là ngày hôm sau, 2 là hôm sau nữa,… (tương tự logic của tool cũ)

* Với các chuyến hủy phần **Protect to** đang để trống -> Hủy theo AFS
* Với các chuyến hủy phần **Protect to** đang để NON -> Hủy No Alternative
* Time Change

Với các chuyến đổi giờ, nếu cột **ProtectTo\_DC** là 1 🡪 điện đổi time sẽ thêm **/1** ở Destination (ví dụ các điện ở [phía dưới](#_SSM)

* Config

Với các chuyến config, đổi format của New CFG từ 4 khoang xuống 3 khoang: 0/8/0/168 🡪 8/0/168

Convert các chuyến bay trong file input thành định dạng ASM/SSM với quy ước như sau:

Với các chuyến tạo mới (NEW) 🡪 SSM

Với các chuyến đổi config (CON) 🡪 ASM/SSM (lưu ý sẽ phải thêm 1 bước convert các ACV code sau .VV, nếu sử dụng ASM mà triển khai đổi config 1 giai đoạn trong 1 dòng, convert mỗi 1 chuyến bay/ngày bay thành 1 điện ASM))

Với các chuyến hủy (CNL) 🡪 ASM/SSM (nếu triển khai hủy 1 giai đoạn trong 1 dòng, convert mỗi 1 chuyến bay/ngày bay thành 1 điện SSM)

Với các chuyến đổi giờ bay (TIM) 🡪 ASM/SSM (nếu sử dụng ASM mà triển khai đổi giờ 1 giai đoạn trong 1 dòng, convert mỗi 1 chuyến bay/ngày bay thành 1 điện ASM)

**Mẫu điện SSM:**

SSM

LT

CNL

QH1413

02Oct23 02Oct23 1

//

CNL

QH1413

03Oct23 03Oct23 2

//

CNL

QH1413

04Oct23 04Oct23 3

SSM

LT

TIM

QH222

01JUL23 10JUL23 1234567

HAN1010 SGN1140

SSM

LT

TIM

QH201

01JUL23 10JUL23 1234567

HAN2240 SGN0050/1 (với trường hợp SC mà ngày đáp sang ngày hôm sau)

SSM

LT

EQT

QH229

11JUN23 18JUN23 1234567

J 320 C8Y162.VV582

SGN/HAN

SSM

LT

NEW XASM

QH174

09JUN23 14JUN23 135

J 320 C8Y168 .VV596

HAN0935 SGN1055

**Mẫu điện ASM:**

ASM

LT

TIM

QH150/29SEP23

SGN1300 DAD1500

ASM

LT

TIM

QH150/29SEP23

SGN2300 DAD0130/1 (với trường hợp SC mà ngày đáp sang ngày hôm sau)

ASM

LT

EQT

QH150/30SEP23

J E90 C6Y77.VV260

SGN/HAN

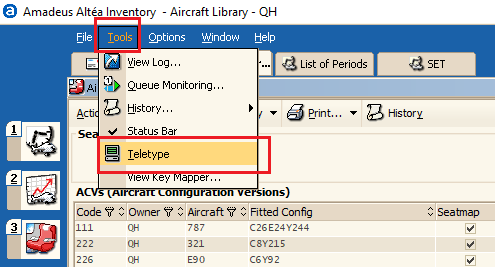
ASM

LT

CNL

QH150/30SEP23

Sau đó sẽ tiến hành vào gửi điện bằng Tools 🡪 Teletype

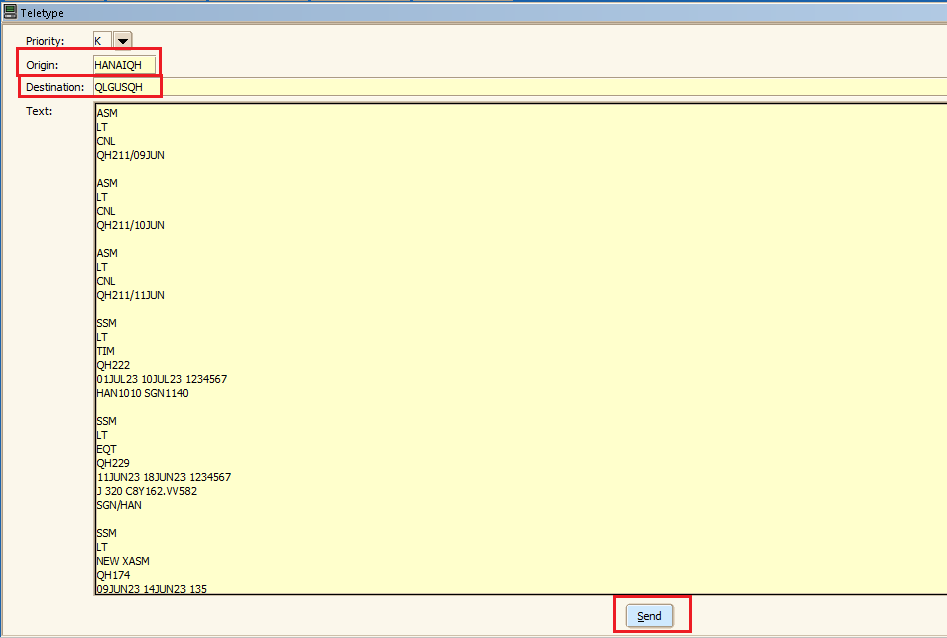


Trong bảng điện Teletype 🡪 Đổi địa chỉ thành như sau:

Origin: HANAIQH

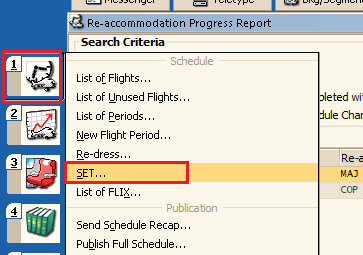
Destination: QLGUSQH (UAT)

Destination: MUCSCQH (PRODUCTION)

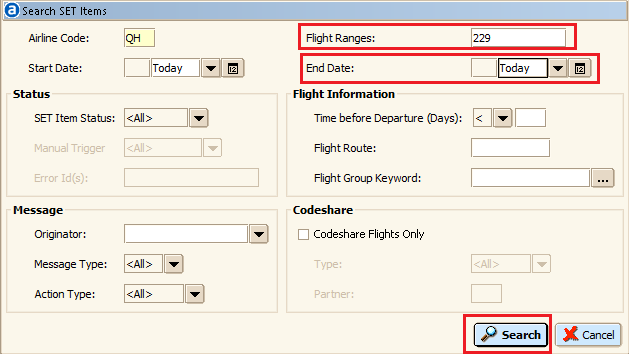
Sau đó add các điện mà tool convert vào ( tối đa 3500 kí tự ) 🡪 Send

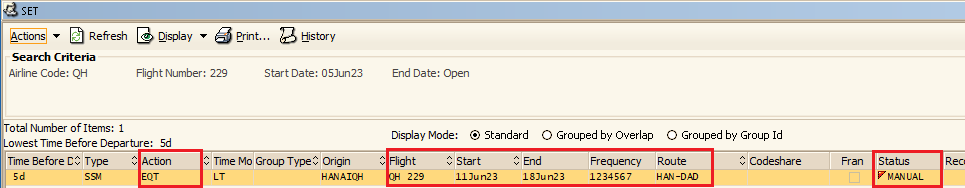
Sau khi nhận được điện ASM/SSM triển khai SC từ AIMS, ta sẽ vào SET check các chuyến bay bị SC

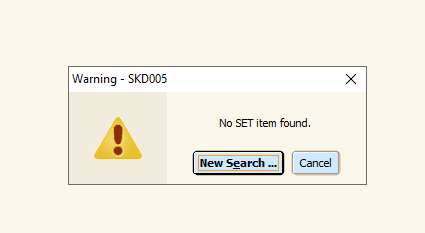
Vào phần 1 🡪 SET



Ở bảng tìm kiếm, để nguyên Airline Code, Flight Range sẽ tìm theo từng SHCB của điện ASM/SSM. Start Date và End Date sẽ sửa lại thành ngày bay của giai đoạn theo từng điện ASM/SSM được gửi, với điện triển khai SC theo giai đoạn trong cùng 1 dòng, Start Date và End Date sẽ vẫn tìm theo từng ngày bay trong giai đoạn

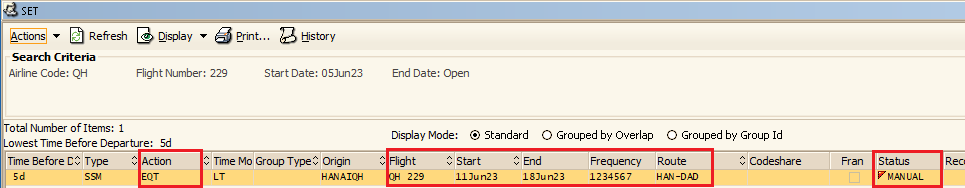


Trong bảng SET, tìm các chuyến có Action bao gồm **CNL, EQT, TIM, RPL** với các trường **Flight, Start, End, Frequency, Route** đúng như theo theo file input và status là **Manual**

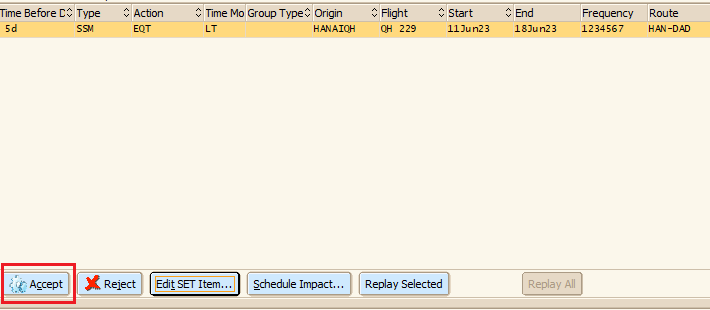
*Note:* Với trường hợp khi tìm trong SET bị báo NO SET Item -> Chọn **Cancel** trả về báo cáo sau đó tìm sang chuyến bay kế

## II. CONFIG (EQT)

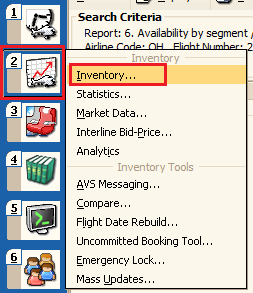
Đối với các chuyến bay có Action **EQT** và Status là **Manual,** nếu triển khai đổi CON theo giai đoạn trong cùng 1 dòng, **Start Date** và **End Date** vẫn tìm theo từng ngày 1 trong cùng dòng đó



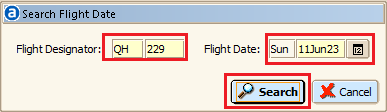
**B1.** Accept

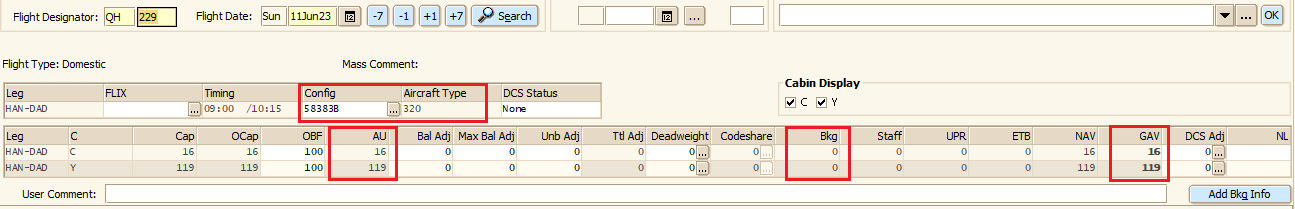


**B2.** Sau khi Accept 🡪 Vào 2 🡪 Inventory



**B3.** Điền thông tin chuyến bay vừa Accept trong SET, điền từng chuyến bay 1 nếu SC cả giai đoạn

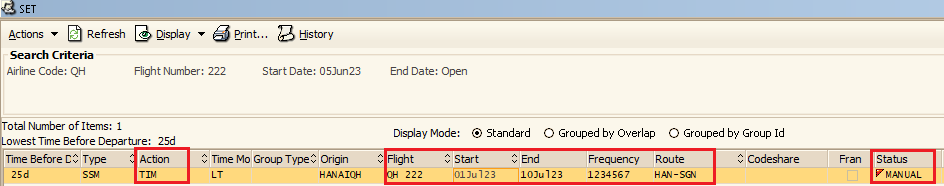


**B4.** Lưu các thông tin Config, Aircarft Type, AU, Bkg, GAV, nếu GAV là số âm sẽ warning OVB trong báo cáo

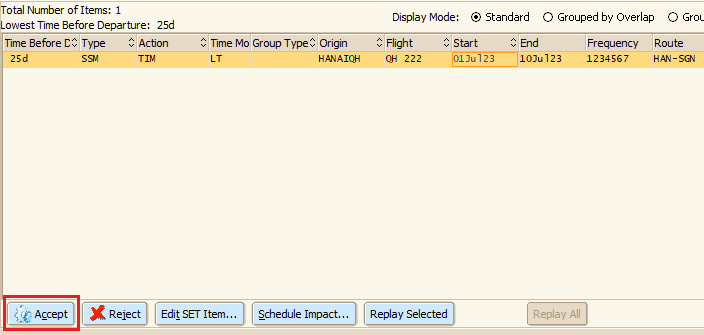
Sau khi lấy thông tin của chuyến bay sẽ quay trở về bước tìm Inventory của các chuyến còn lại theo file Input

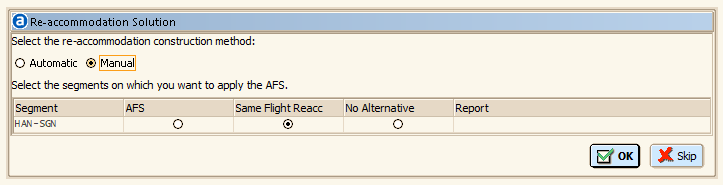
**B5.** Sau khi lấy thông tin các chuyến bay đổi config xong, nếu file Input vẫn còn các chuyến bay bị SC khác 🡪 Tiến hành vào lại SET

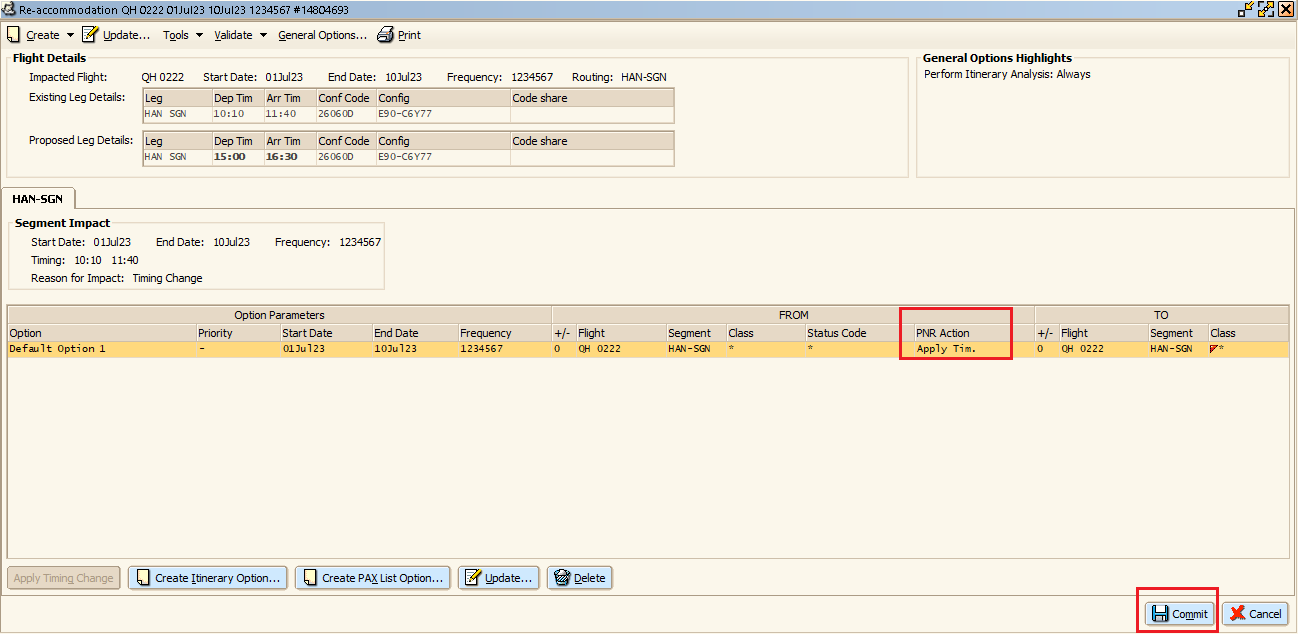
## III. TIME CHANGE (TIM)

Đối với các chuyến bay có Action **TIM**, Status là **Manual** và các thông tin chuyến bay trùng với file input. nếu triển khai đổi TIM theo giai đoạn trong cùng 1 dòng, **Start Date** và **End Date** vẫn tìm theo từng ngày 1 trong cùng dòng đó

**B1.** Chọn Accept 🡪 Màn hình Reaccom hiện ra

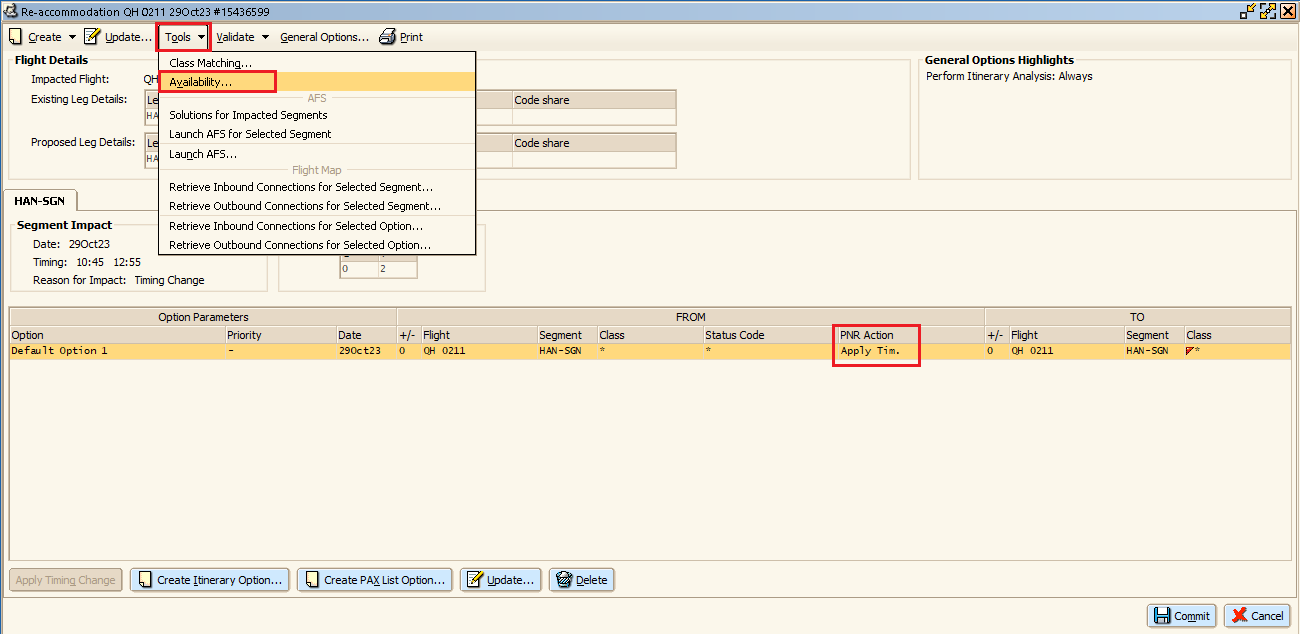


**B2.** Chọn Manual 🡪 Tích chọn Same Flight Reacc 🡪 OK

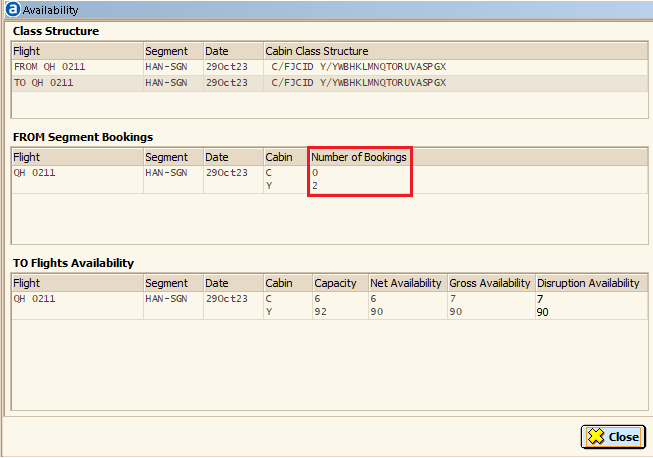
**B3.** Tại màn hình Reaccom 🡪 Check PNR Action là **Apply Tim.** 🡪 Commit

Sau khi xong quay lại SET để chạy tiếp các chuyến bay khác nếu file input vẫn còn

Đối với các chuyến đổi TIM chạy bằng ASM, khi Reaccom vẫn là từng chuyến 1 nên khi vào màn hình Reaccom sau khi đã Apply Tim 🡪 Chọn ở Top menu 🡪 Tools 🡪 Availability

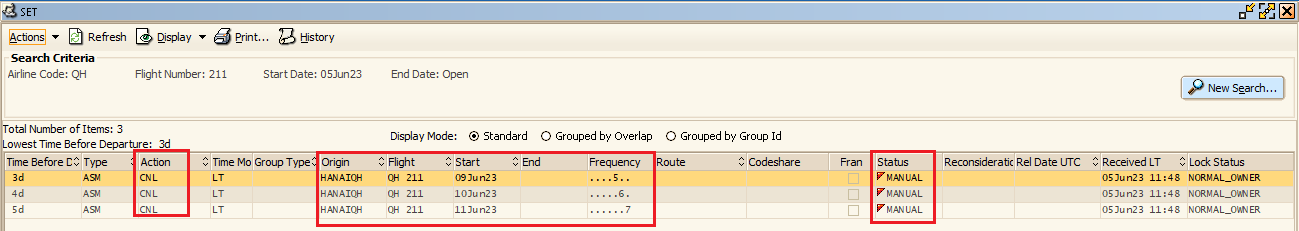


Copy số lượng pax bị ảnh hưởng ở bảng **FROM Segment Bookings** để lưu báo cáo (Như đối với các chuyến CNL)

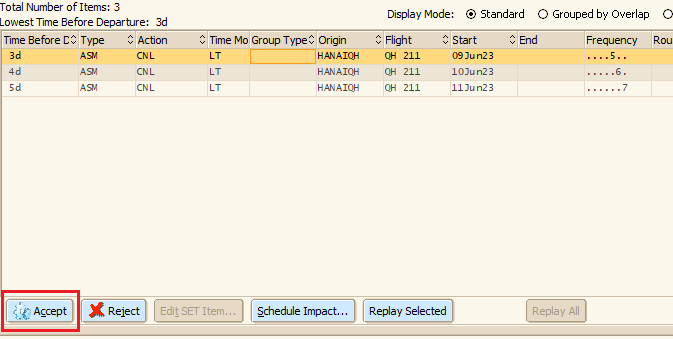


## IV. CANCEL (Theo AFS)

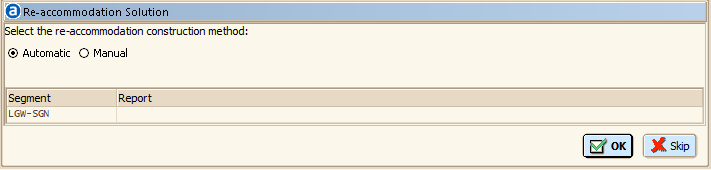
Đối với các chuyến bay có Action **CNL**, status là **Manual** và các thông tin chuyến bay trùng với file input, nếu triển khai hủy 1 giai đoạn trong cùng 1 dòng, tìm theo từng ngày bay của giai đoạn đó



**B1.** Chọn Accept

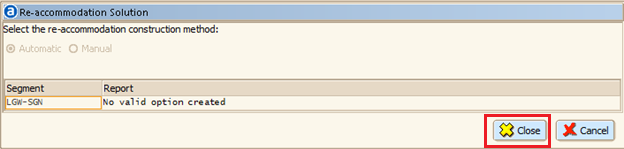


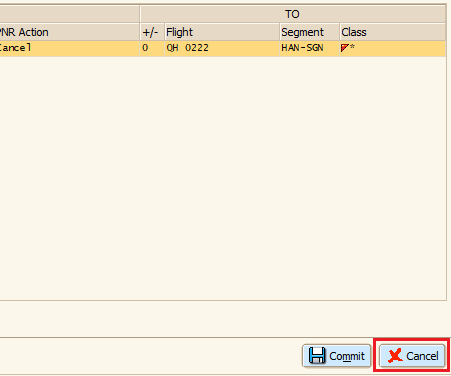
**B2.** Hệ thống sẽ tự nhảy 1 thông báo Reaccom Solution, chọn Automatic 🡪 OK

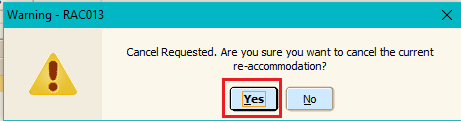


***Sẽ có 2 trường hợp có thể xảy ra khi dùng chức năng Automatic Re-accom***

### **1. Trường hợp 1 (No Flt found by AFS)**

**B1.** Hệ thống không tìm được chuyến bay thay thế 🡪 chọn Close

**B2.** Tại màn hình Reaccom 🡪 Chọn Cancel

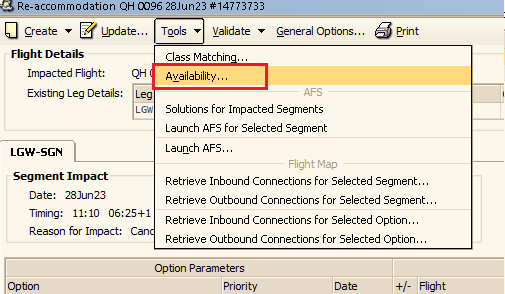
**B3.** Sau khi Cancel sẽ xuất hiện 1 bảng Warning 🡪 Chọn Yes để hủy bỏ thao tác hủy chuyến bay

**B4.** Note chuyến bay vào báo cáo “No Flight Found To Protect” để xử lý SC bằng tay 🡪 Quay lại màn hình Set và tiếp tục xử lý các chuyến bay khác nếu còn

### **2. Trường hợp 2 (Follow AFS)**

**B1.** Khi chọn Automatic và hệ thống tìm được chuyến bay thay thế 🡪 OK

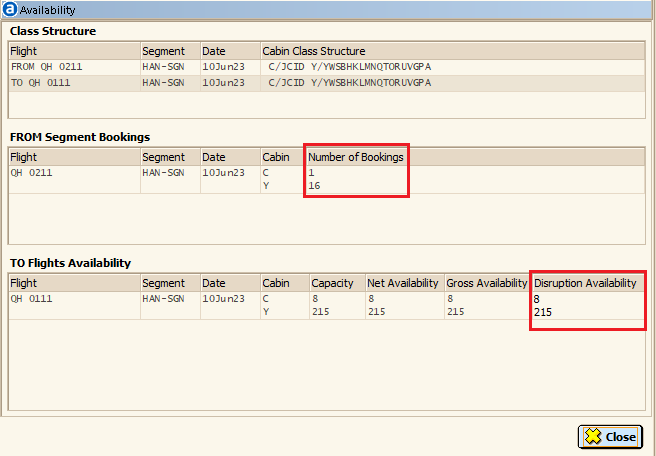
**B2.** Sẽ tự động được chuyển sang Tab Re-acommodation 🡪 Check Availability chuyến đích được đề xuất bởi AFS 🡪 top menu Reaccom 🡪 Chọn Tools 🡪 Availability



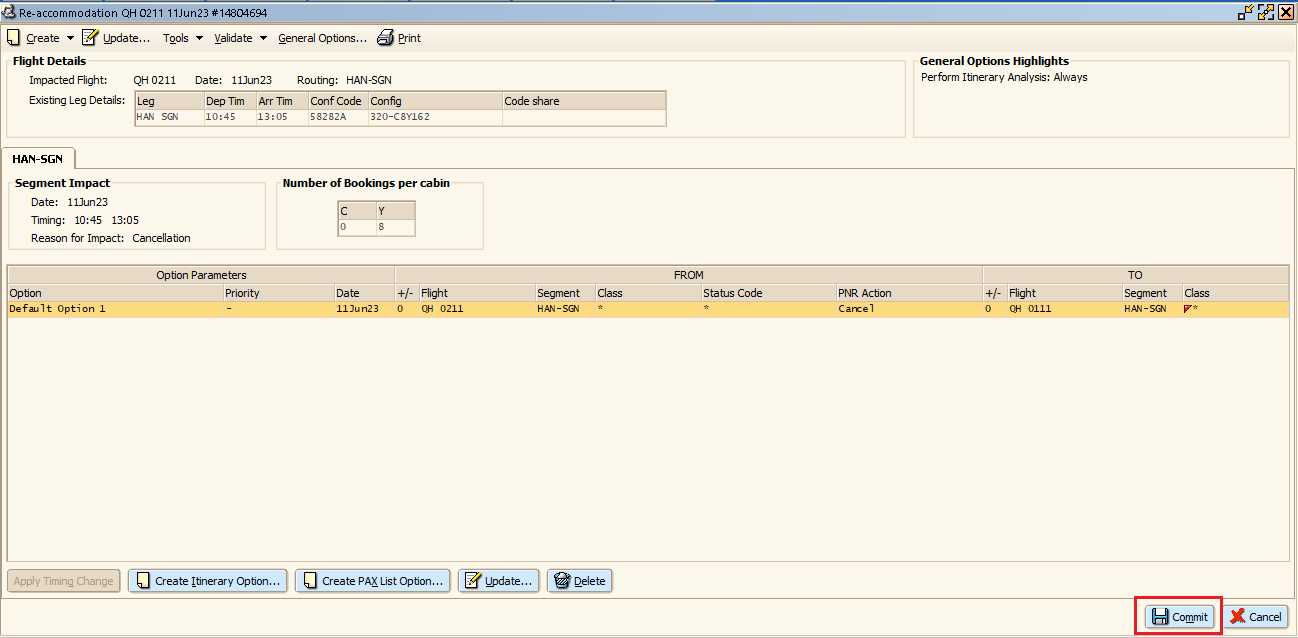
**B3.** Check số lượng chỗ của chuyến bị hủy và chuyến đích

FROM Segment Bookings tìm ở phần **Number of Bookings**

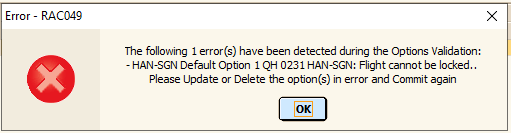
TO Flight Availability tìm ở phần **Disruption Availability**

****

#### **a. Nếu chuyến bay đủ chỗ hoặc ko pax**

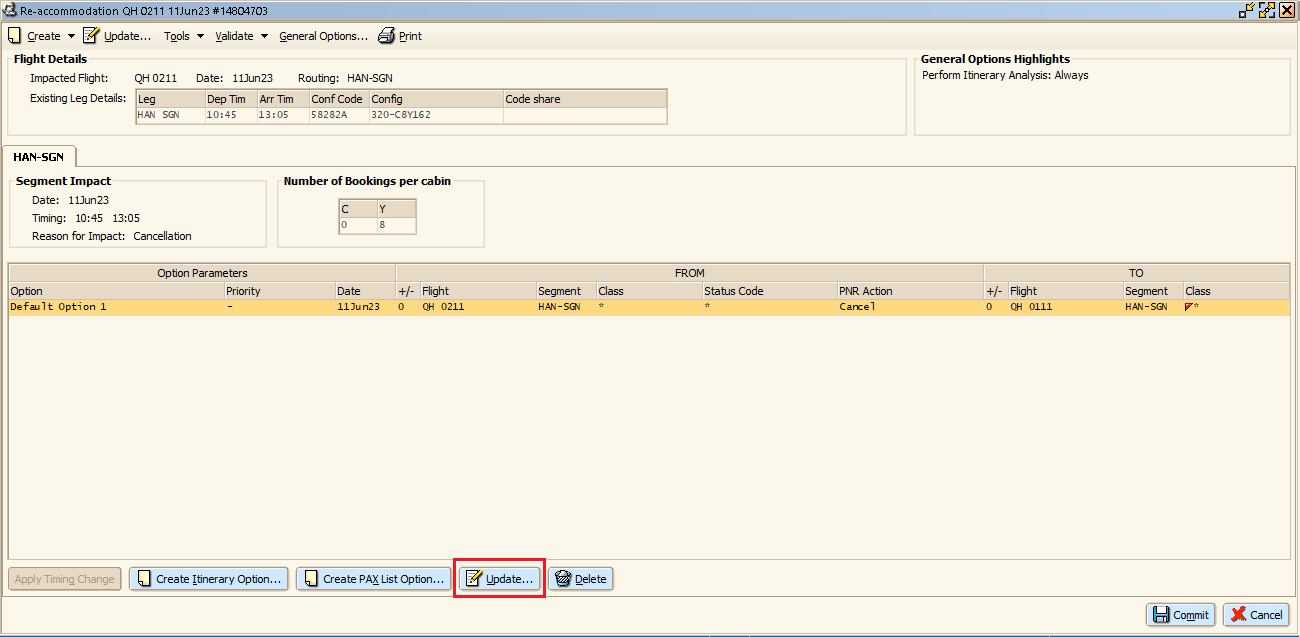
Chọn Close để quay lại màn hình Reaccom 🡪 Tại màn hình Reaccom 🡪 Commit

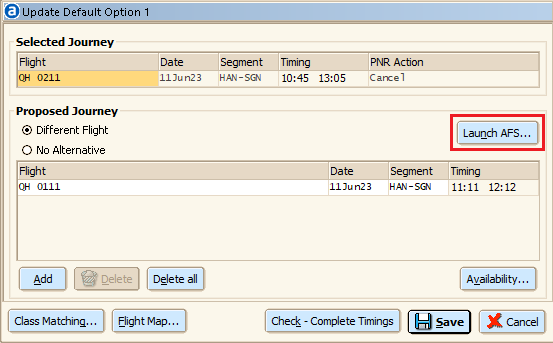
Nếu sau khi Commit lỗi RAC049 hiện ra 🡪 OK 🡪 Thoát chuyến bay và trả về báo cáo (Cannot run due to locked flight)



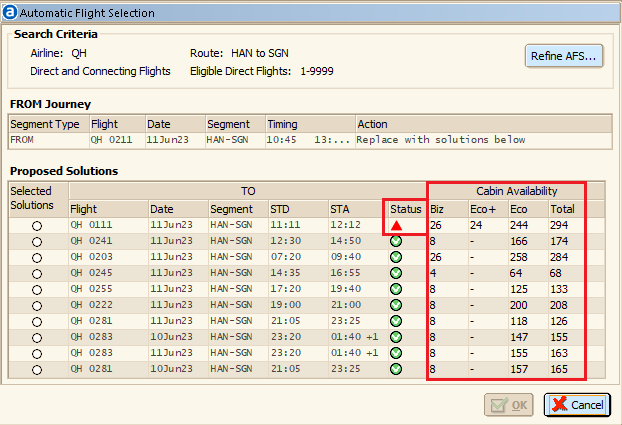
Sau khi xong quay lại SET để chạy tiếp các chuyến bay khác nếu file input vẫn còn

#### **b. Nếu chuyến bay không đủ chỗ**

**B1.** Sau khi xác định được số lượng pax OVB của từng khoang 🡪 Close màn hình [Check Availability](#_Check_số_lượng) 🡪 Ngoài màn hình Reaccom 🡪 Chọn Update

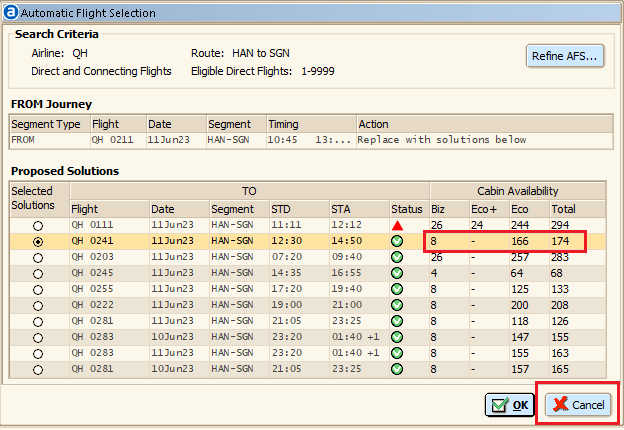
**B2.** Tại màn hình Update Default Option 🡪 Chọn Launch AFS

**B3.** Check cuốn chiếu từ trên xuống đối với từng chuyến bay, với chuyến bay có Status là  và  sẽ bỏ qua vì đang là phương án của Default Option hoặc nếu là hình  tức chuyến bay đang bị khóa, chỉ check các chuyến bay có Status là  🡪 So sánh Cabin Availability với số lượng pax C và Y bị OVB lấy được từ [Check Availability](#_Check_số_lượng)

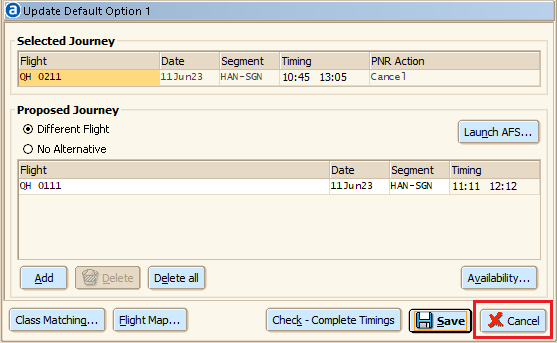


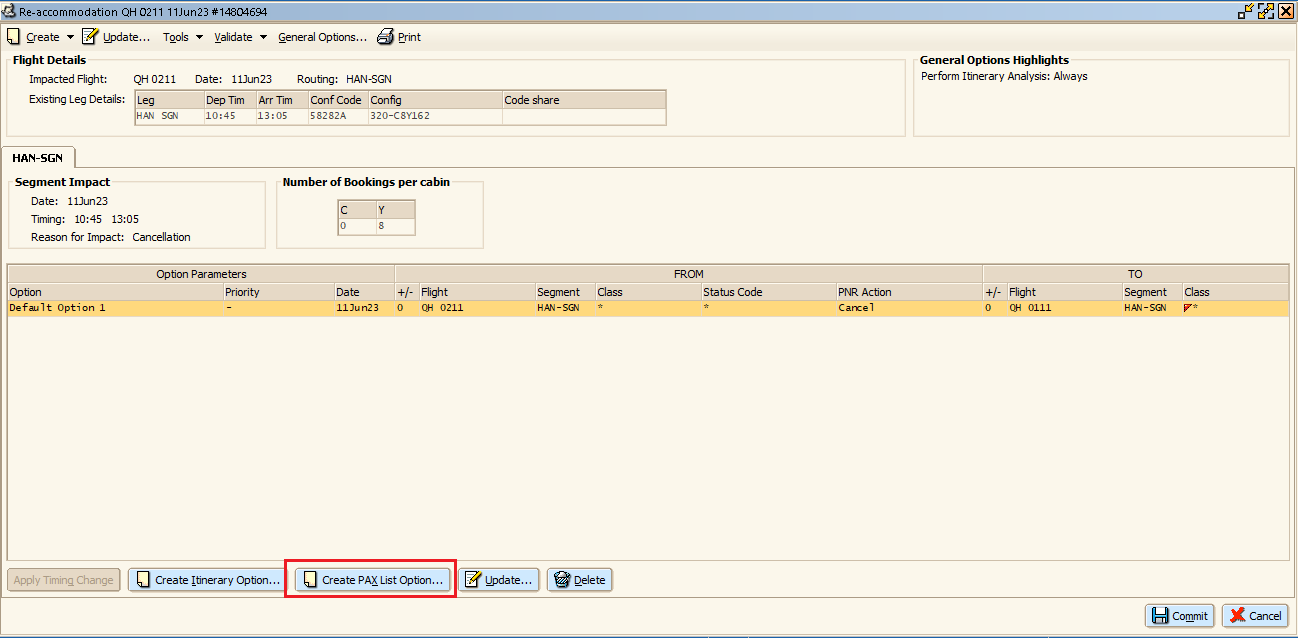
***Sẽ có 2 trường hợp có thể xảy ra***

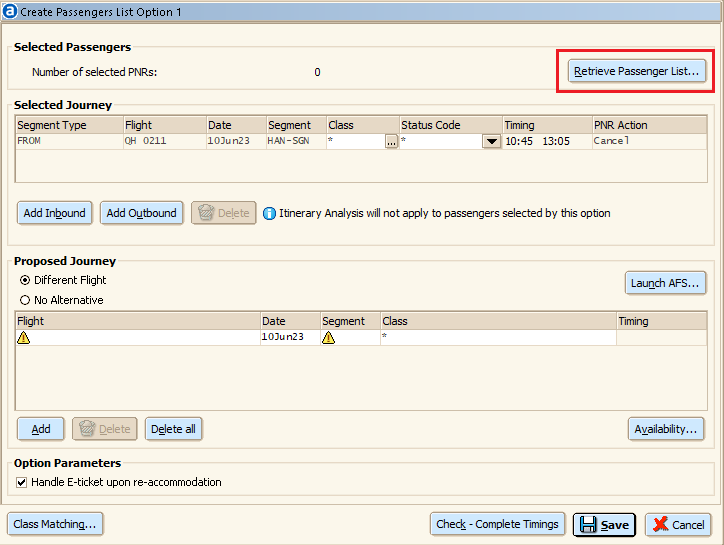
##### b.1. Trường hợp 1: Số lượng chỗ của chuyến bay gần nhất với chuyến bay bị hủy có đủ chỗ cho pax bị OVB

**B1.** Lưu **chuyến bay cần chuyển khách sang** và số lượng chỗ Avail 🡪 Chọn **Cancel**

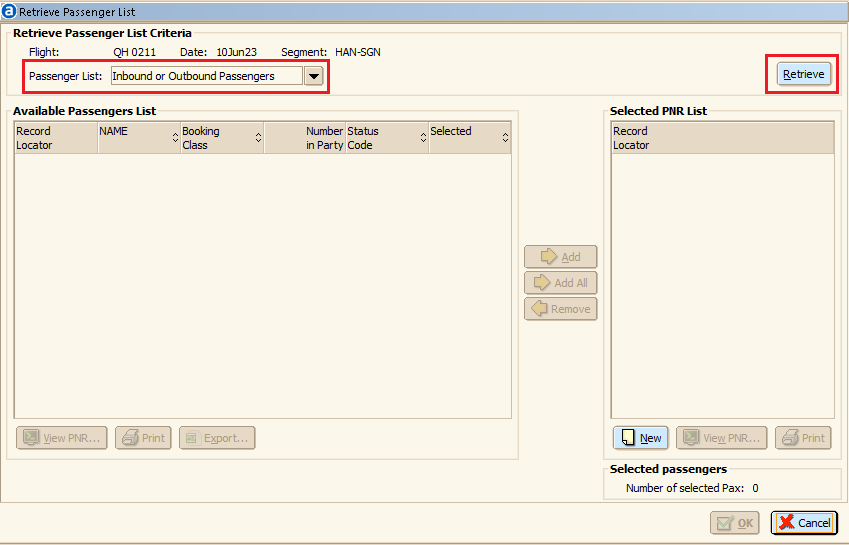
**B2.** Tại màn Update Default Option 🡪 Chọn **Cancel**



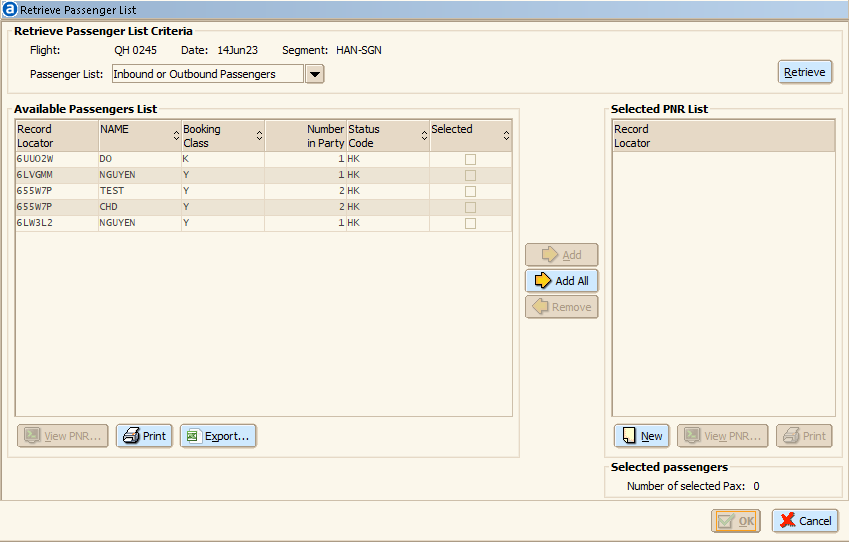
**B3.** Trở về tab Re-accommodation 🡪 Chọn Create PAX List Option

**B4.** Tại bảng Passenger List Option 🡪 Chọn Retrieve Passenger List

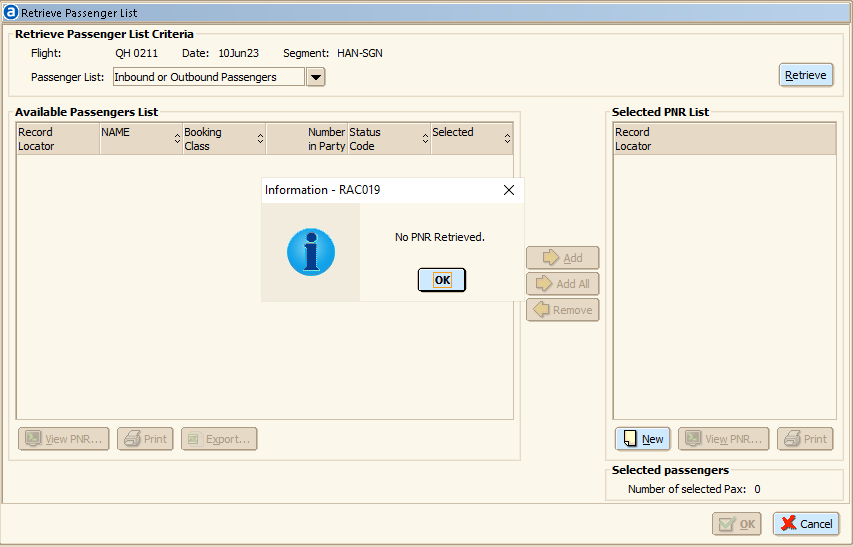
**B5.** Trong bảng Retrieve Passenger List 🡪 Tại drop box Passenger List chọn Inbound or Outbound Passengers



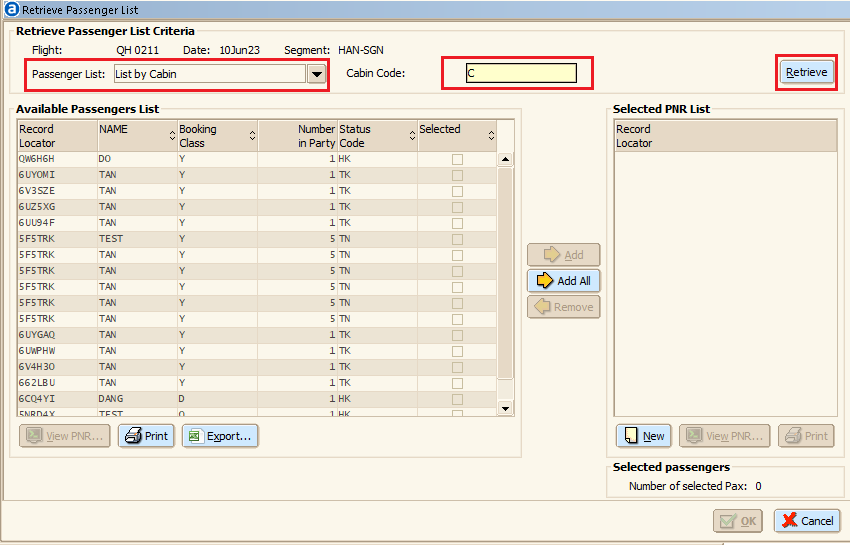
**B5.1.** Nếu có Pax IB/OB 🡪 Lưu PNR có IB/OB để giữ nguyên cho phương án **Default Option**

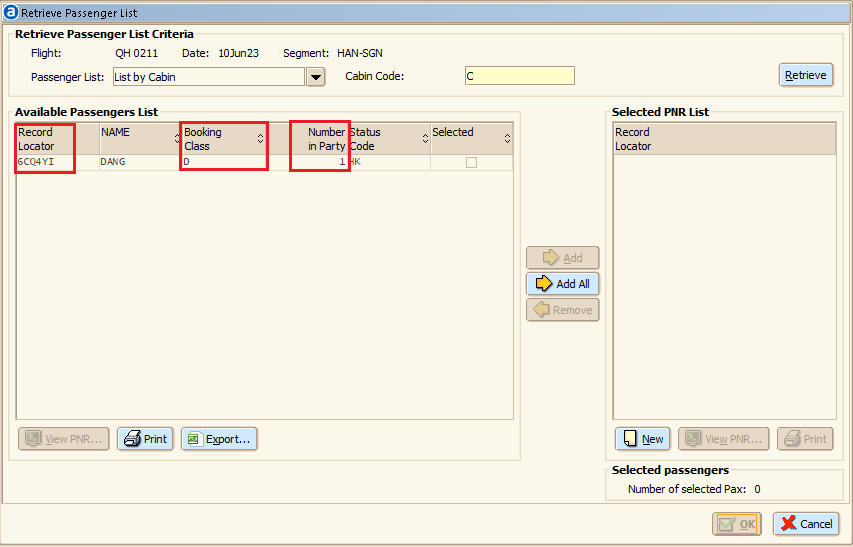


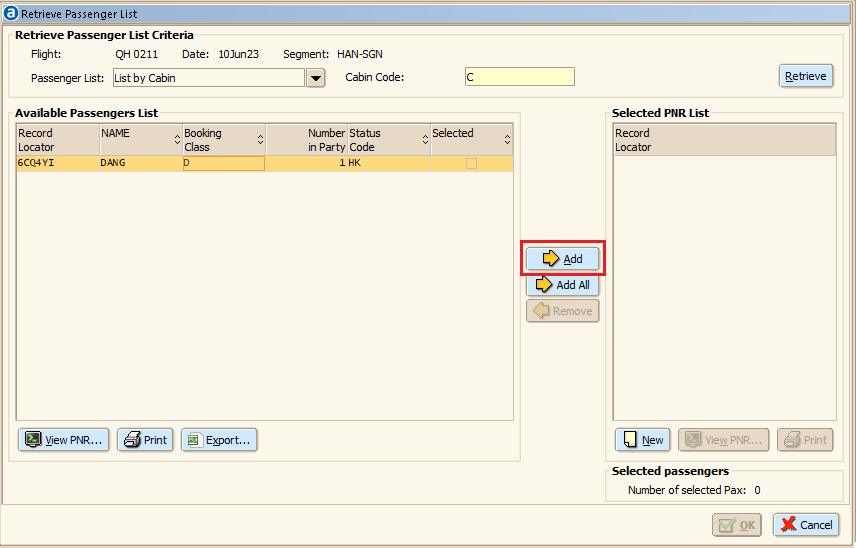
**B5.2.** Nếu không có Pax IB/OB nào 🡪 Chọn OK và sang bước tiếp theo

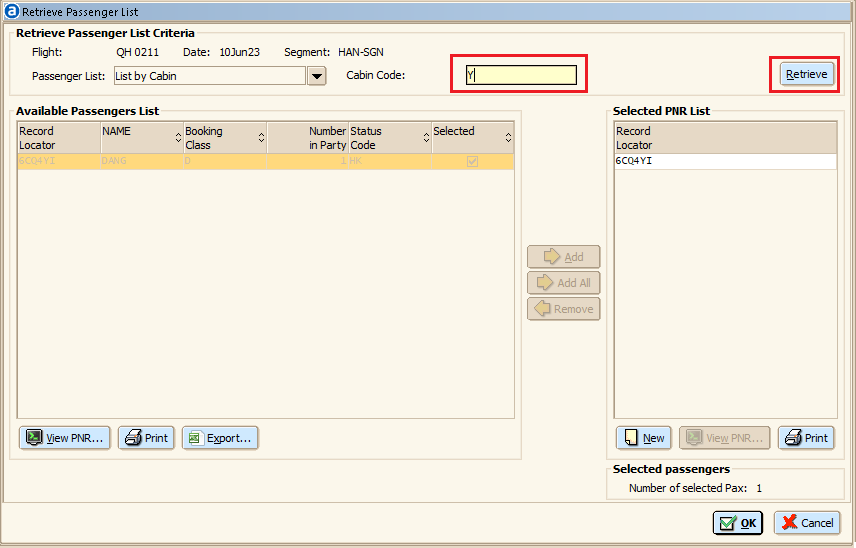


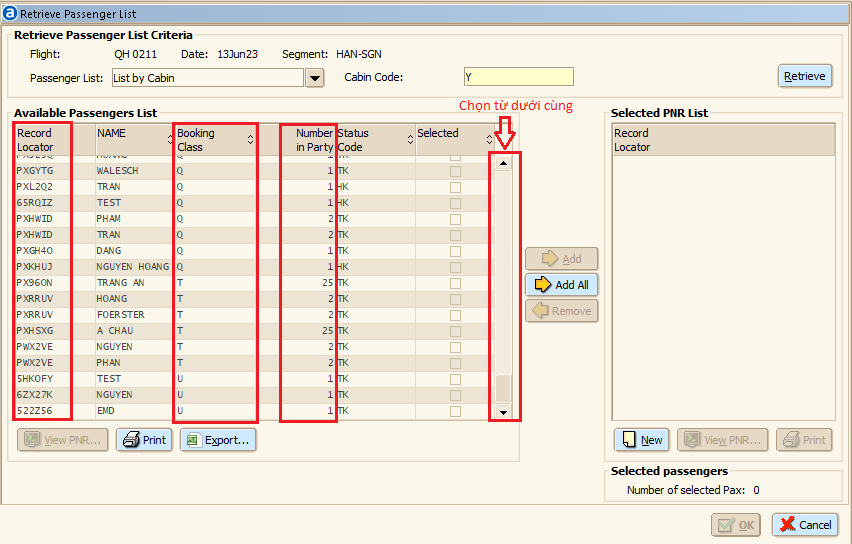
**B6.** Tại drop box Passenger List chọn List by Cabin 🡪 Cabin code điền **C** class 🡪 **Retrieve**

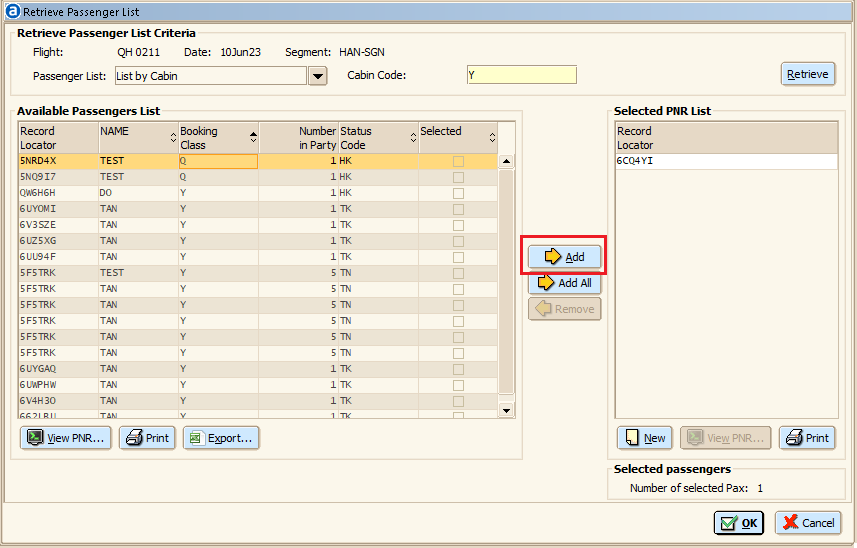


**B7. Booking Class** Chọn các PNR theo thứ tự từ dưới lên trên, sử dụng **Record Locator** để loại bỏ PNR IB/OB mà ta lấy được ở bước **5.1**. (giữ cho các PNR IB/OB sử dụng **Default Option).** Chọn các pnr có số khách **Number In Party** sao cho <= số pax bị OVB của khoang C lấy được từ [đây](#_Segment_Bookings_tìm)

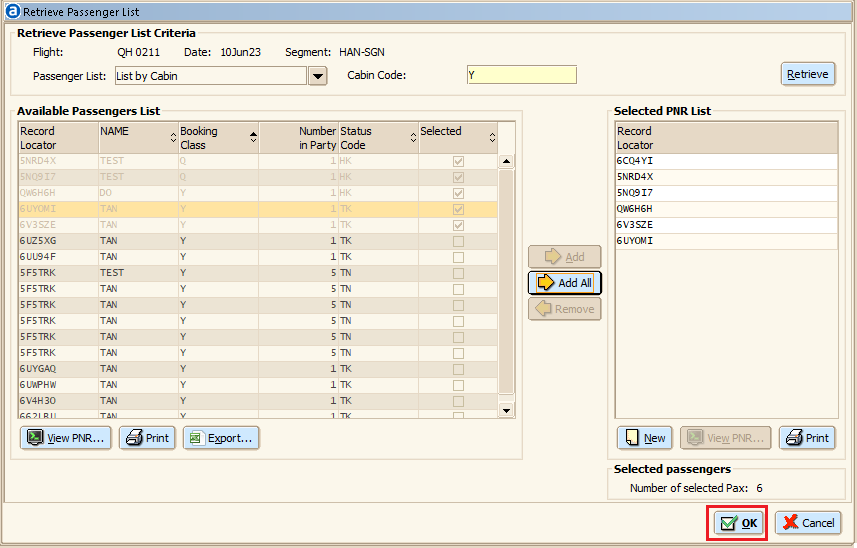
**B8.** Chọn pnr muốn chuyển 🡪 **Add** 🡪 Lần lượt với các pnr khác tại khoang C sao cho Total pax = số pax C bị OVB

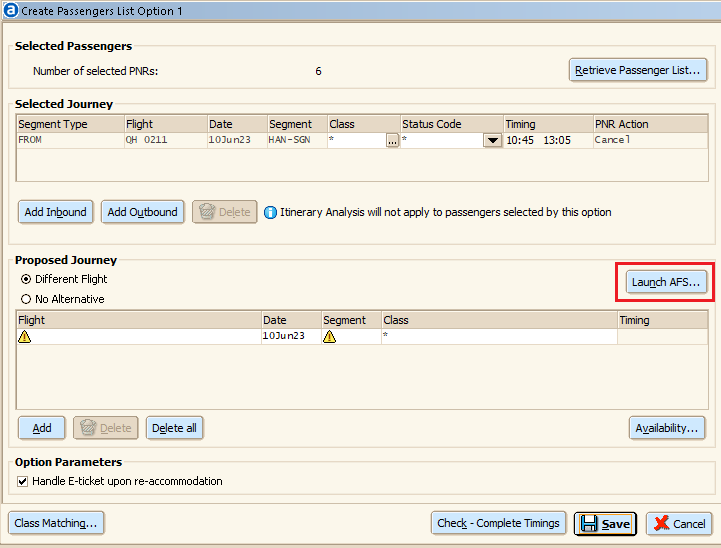
**B9.** Sau khi xử lý xong pax C 🡪 Cabin Code điền **Y** 🡪 **Retrieve**

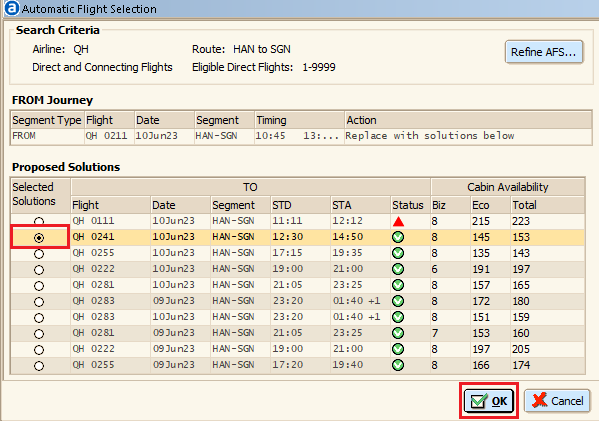
**B10. Booking Class** Chọn các PNR theo thứ tự từ dưới lên trên, sử dụng **Record Locator** để loại bỏ PNR IB/OB mà ta vừa lấy được ở bước **5.1**. (giữ cho các PNR IB/OB sử dụng **Default Option).** Chọn các pnr có số khách **Number In Party** <= số pax bị OVB của khoang Y lấy được từ [đây](#_Segment_Bookings_tìm)

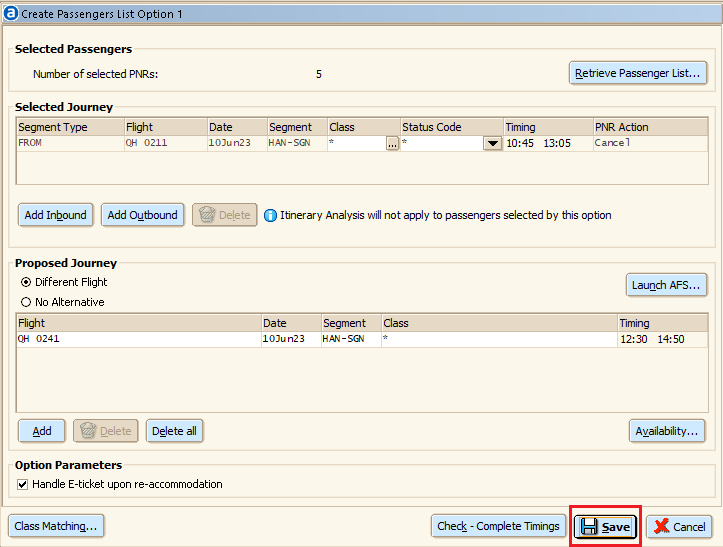
**B11.** Chọn pnr muốn Add 🡪 **Add** 🡪 Lần lượt với các pnr khác tại khoang Y sao cho Total pax = số pax Y bị OVB

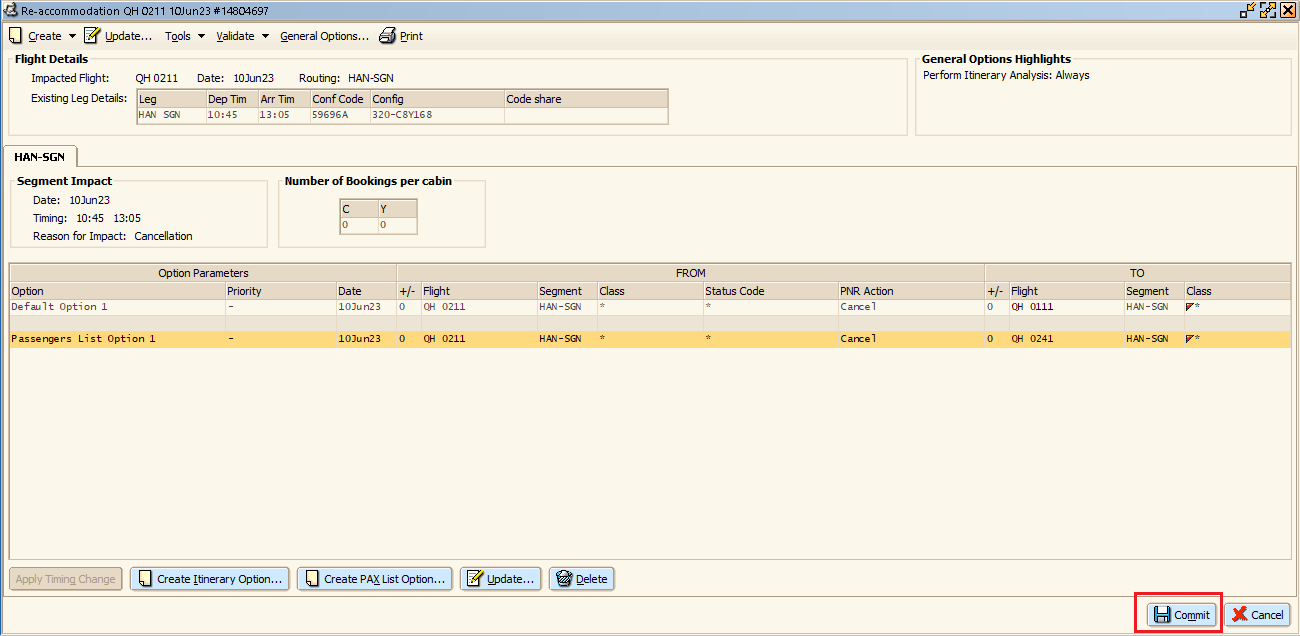
**B12.** Sau khi Add đủ số lượng pax bị OVB từ 2 Cabin 🡪 Chọn **OK**



**B13.** Quay lại màn hình Create Passengers List Option 🡪 Chọn **Launch AFS**

**B14.** Tích chọn chuyến bay cần chuyển pax sang đã xác định ở B1 🡪 OK

**B15.** Quay lại màn hình Create Passengers List Option 🡪 **Save**

**B16.** Về màn hình Reaccommodation 🡪 **Commit**

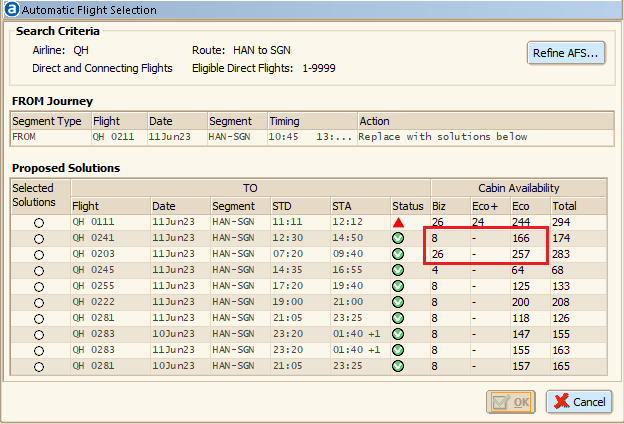
##### b.2. Trường hợp 2: Số lượng chỗ của chuyến bay gần nhất với chuyến bay bị hủy không đủ chỗ cho pax bị OVB

**B1.** Check 2 chuyến bay bên dưới 🡪 lấy tổng số chỗ avail của từng khoang C và khoang Y sau đó so sánh với số chỗ bị OVB lấy từ [Check Availability](#_Check_số_lượng)

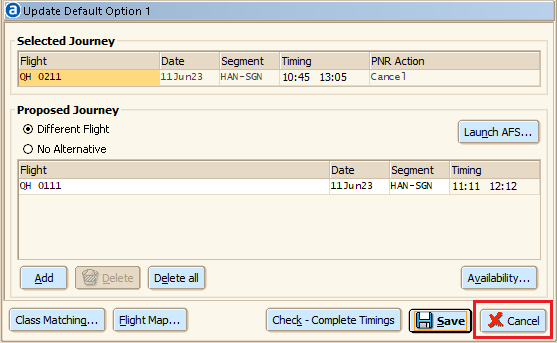
Gọi các chuyến bay được chọn để làm phương án lần lượt từ chuyến bay trên cùng (trừ status  và ) là Flight1, chuyến dưới là Flight2, chuyến 3 là Flight3,…

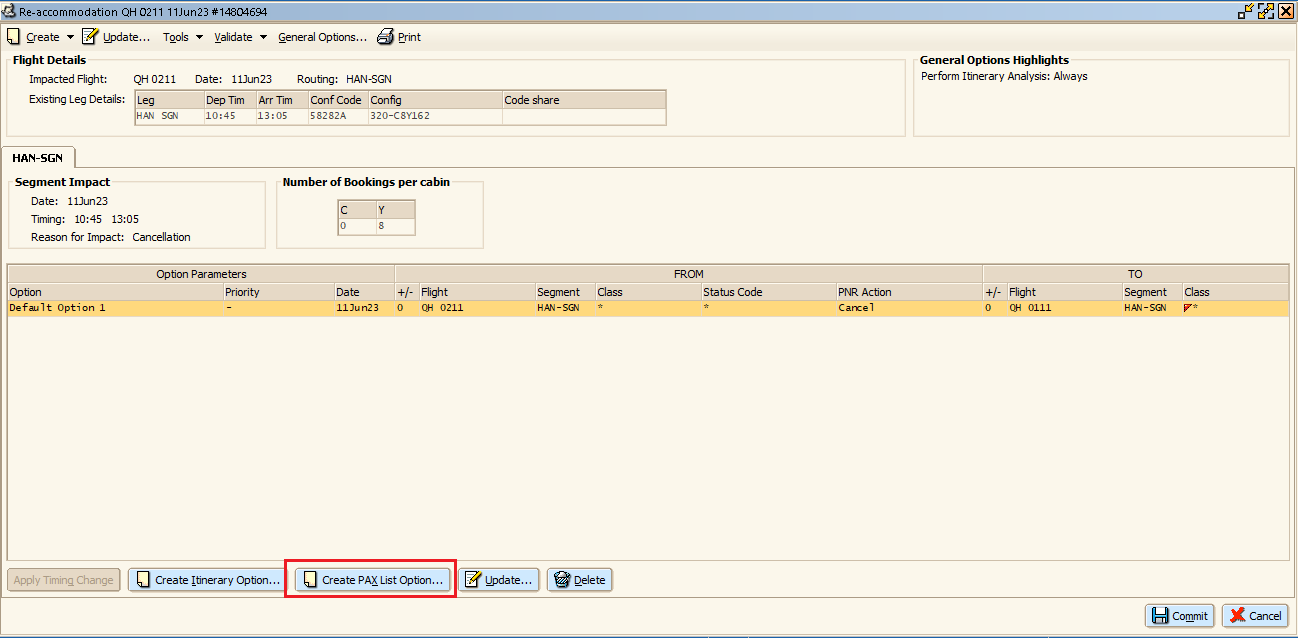
**VD:** Pax C bị OVB là 20 🡪 số chỗ Avail C của Flight1 = 10 🡪 Ko đủ chỗ 🡪 số chỗ Avail C của Flight2 = 13 🡪 Pax C bị OVB là 20 < Avail C Flight1 + Avail C Flight2 = 23 🡪 Hợp lệ 🡪 Tương tự với Pax Y

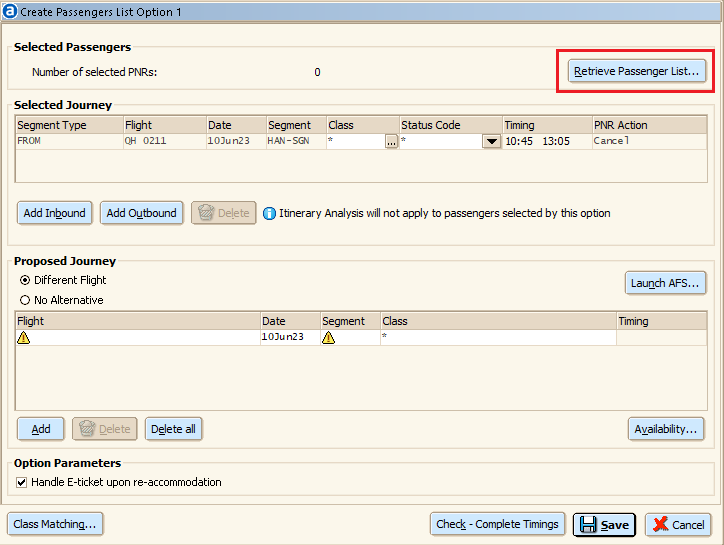
🡪 Nếu số chỗ Avail của tổng 2 chuyến đã đủ để protect pax OVB 🡪 Lưu thông tin chuyến bay cần chuyển pax sang và số chỗ avail của từng khoang Flight1+Flight2 🡪 Chọn **Cancel**

****🡪 Nếu số chỗ Avail của tổng 2 chuyến ko đủ để protect pax OVB 🡪 Chọn chuyến bay tiếp theo và lưu thông tin chuyến bay cần chuyển pax sang và số chỗ avail của từng khoang Flight1+Flight2+Flight3 🡪 Chọn **Cancel** (tương tự nếu cần xét đến 4 chuyến đổ lên)

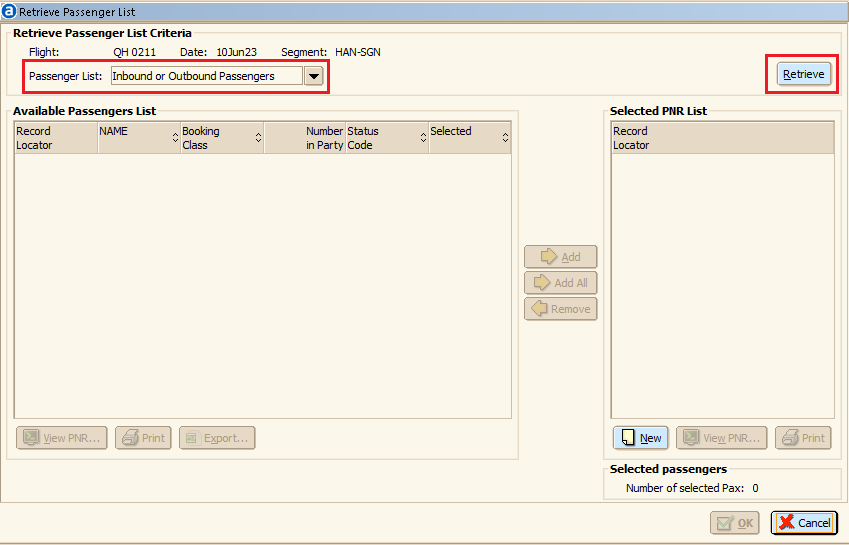
**B2.** Tại màn Update Default Option 🡪 Chọn **Cancel**

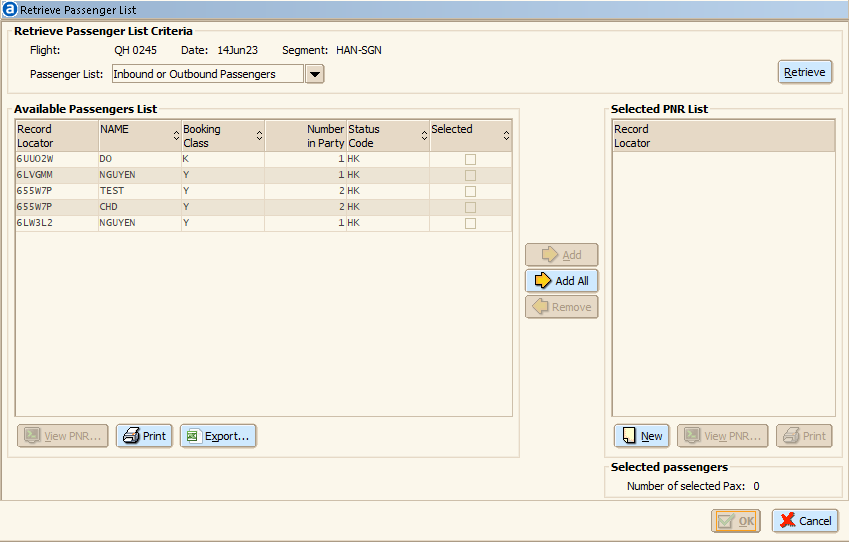


**B3.** Trở về tab Re-accommodation 🡪 Chọn **Create PAX List Option**

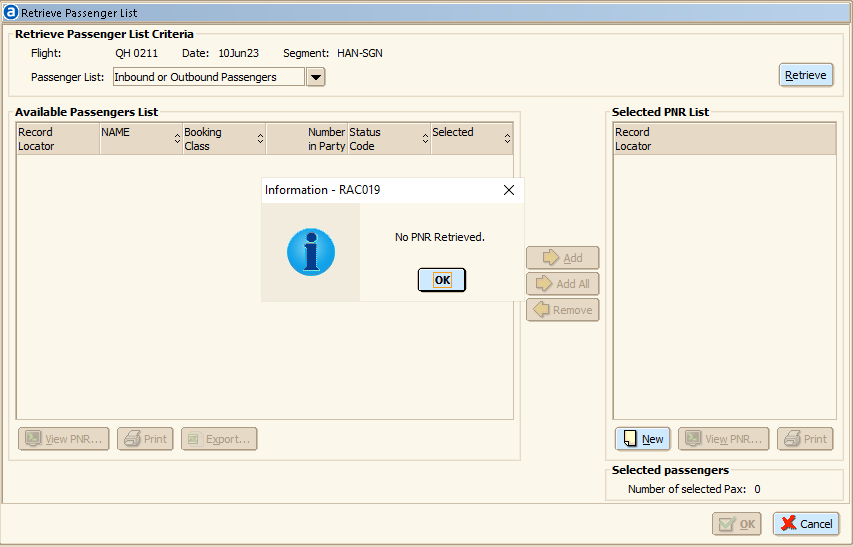
**B4.** Tại bảng Create Passenger List Option 1 🡪 Chọn **Retrieve Passenger List**

**B5.** Trong bảng Retrieve Passenger List 🡪 Tại drop box **Passenger List** chọn Inbound or Outbound Passengers 🡪 **Retrieve**

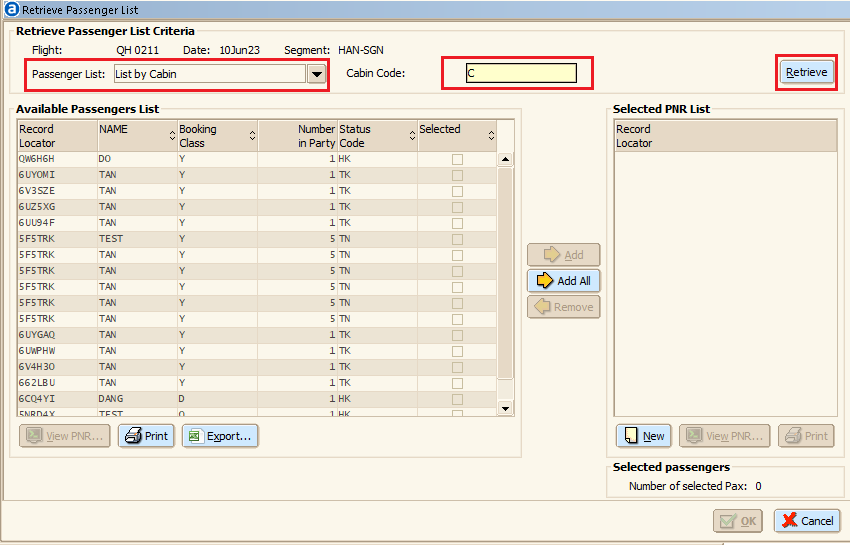


**B5.1.** Nếu có Pax IB/OB 🡪 Lưu PNR có IB/OB để chuyển khách theo phương án **Default Option** 

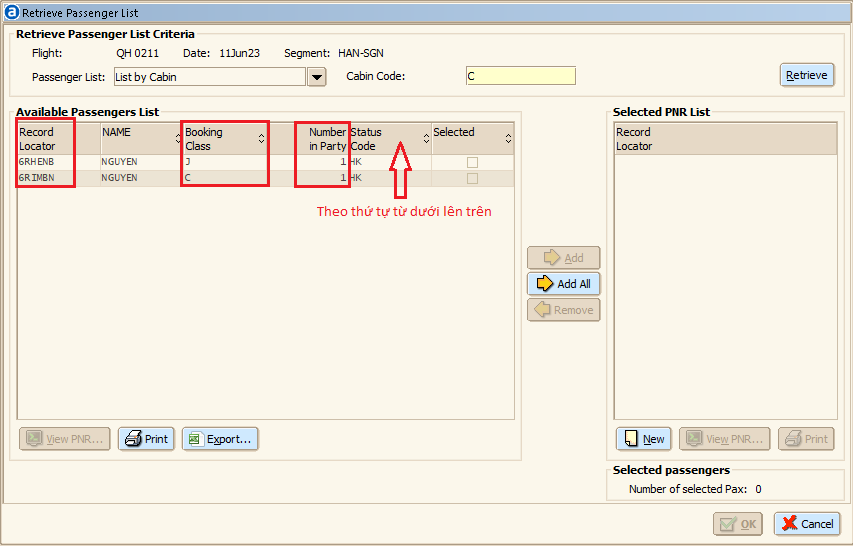
**B5.2.** Nếu không có Pax IB/OB nào 🡪 Cửa sổ information hiện ra 🡪 Chọn OK và sang bước tiếp theo

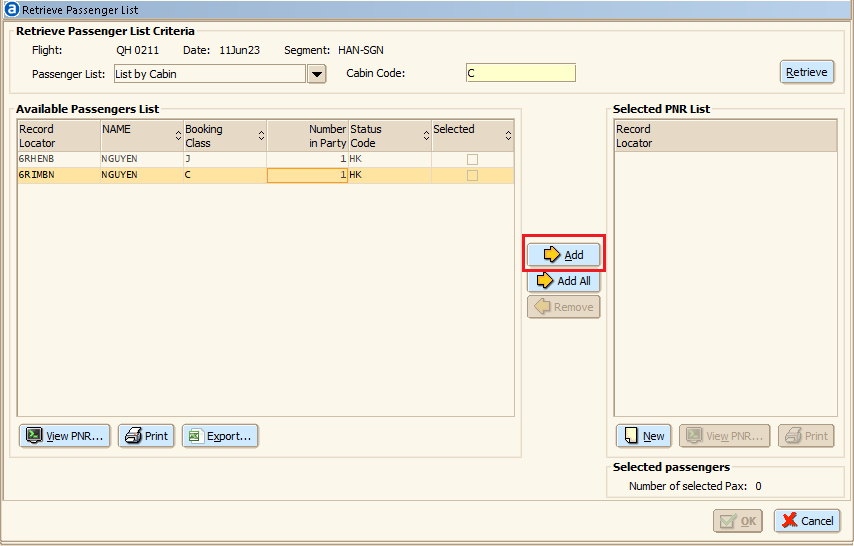


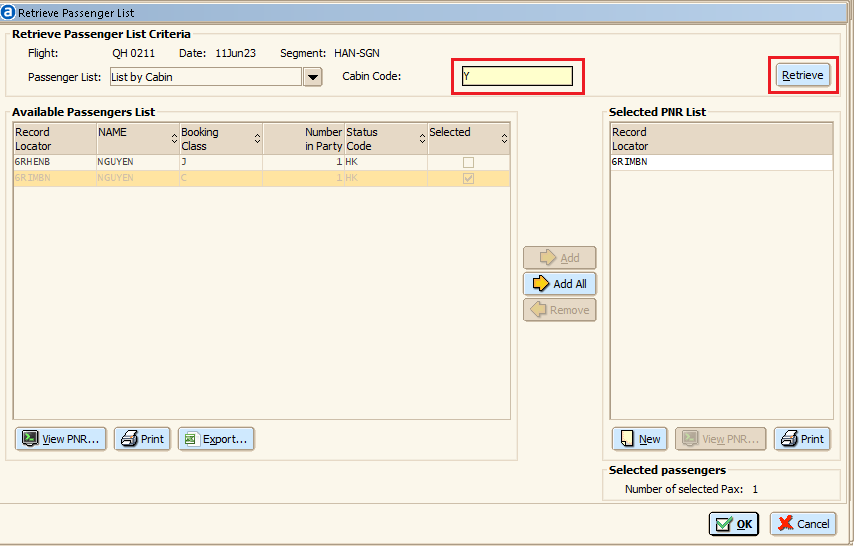
**B6.** Tại drop box Passenger List chọn List by Cabin 🡪 Cabin code điền C class 🡪 **Retrieve**



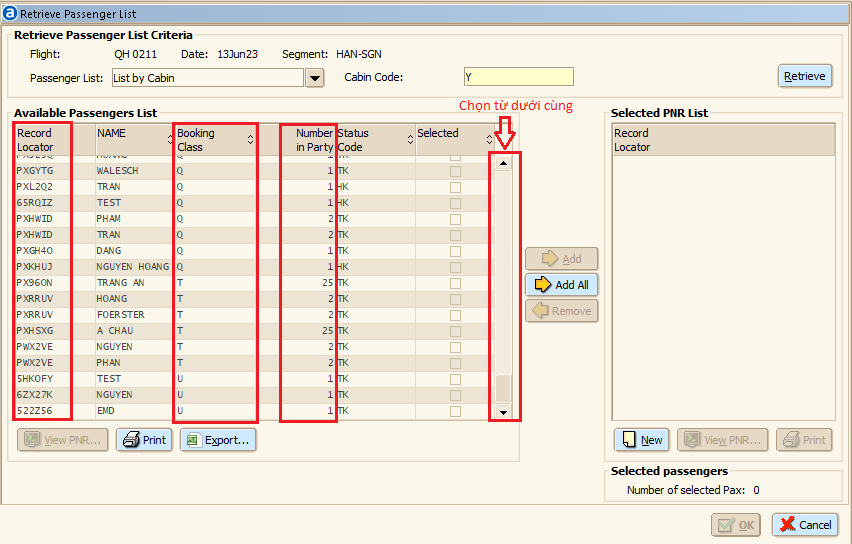
**B7. Booking Class** Chọn các PNR theo thứ tự từ dưới lên trên, sử dụng **Record Locator** để loại bỏ PNR IB/OB mà ta vừa lấy được ở bước **5.1**

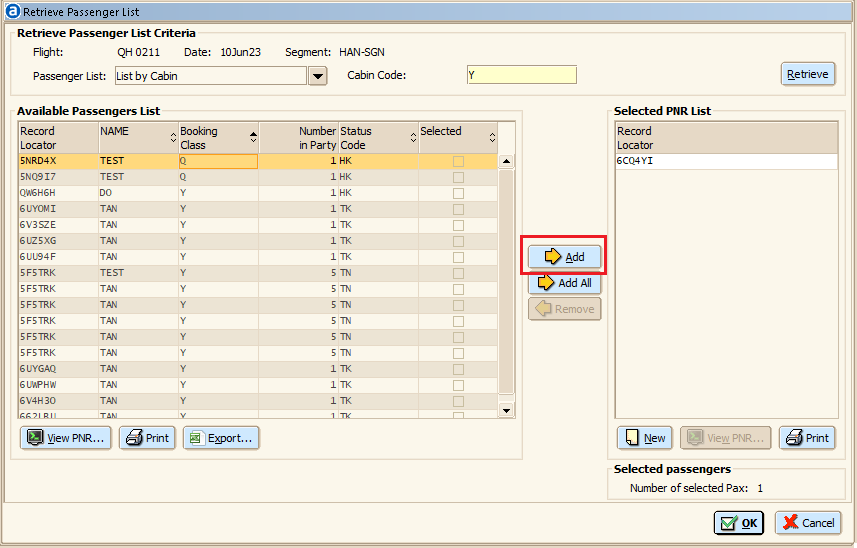
Chọn lần lượt các PNR sao cho Total **Number In Party <=** số chỗ Avail khoang C của Flight1 🡪 **Add**

****

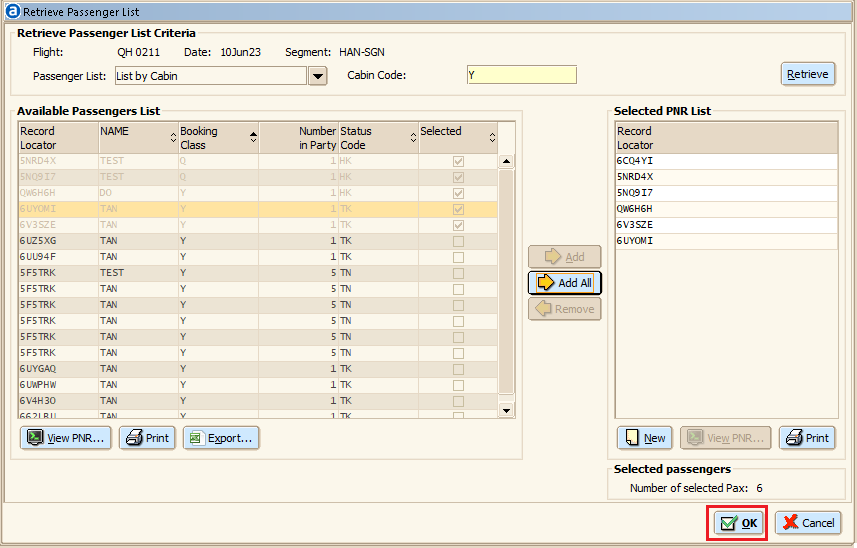
**B9.** Sau khi xử lý xong pax C 🡪 Cabin Code chọn Y 🡪 **Retrieve**

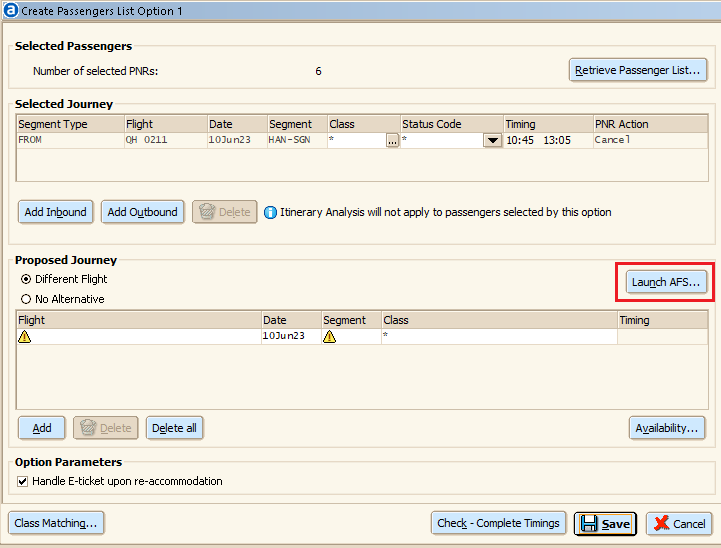
**B10. Booking Class** Chọn các PNR theo thứ tự từ dưới lên trên, loại bỏ PNR IB/OB mà ta vừa lấy ở bước **5.1**

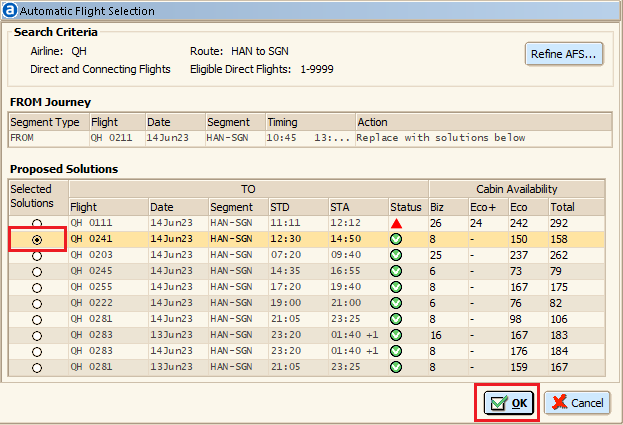
Chọn lần lượt các PNR sao cho Total **Number In Party <=** số chỗ Avail khoang Y của Flight1 🡪 **Add**

****

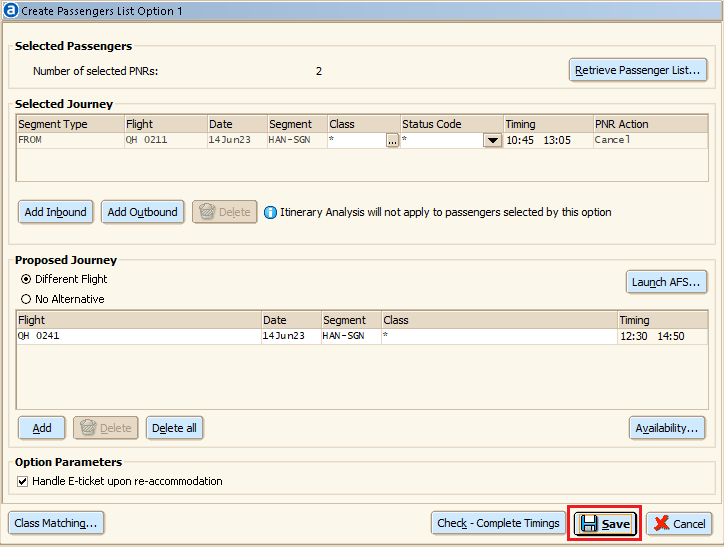
**B11.** Sau khi Add đủ số lượng pax bị OVB từ 2 Cabin 🡪 Chọn OK

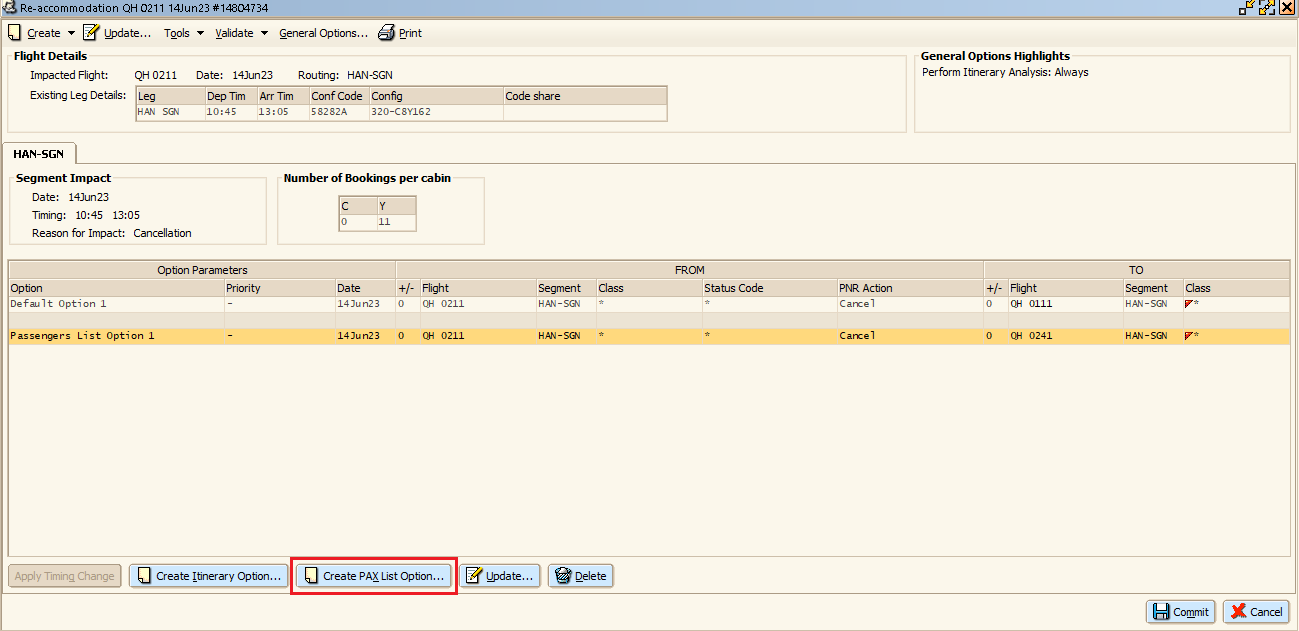


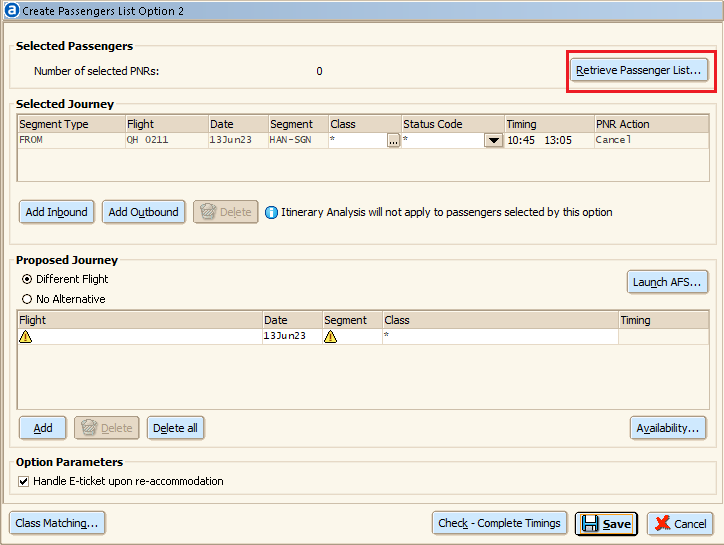
**B13.** Quay lại màn hình Create Passengers List Option 1 🡪 Chọn **Launch AFS** để chọn chuyến bay cần chuyển pax sang

**B14.** Chọn Flight1 đã lưu ở B1 🡪 **OK**

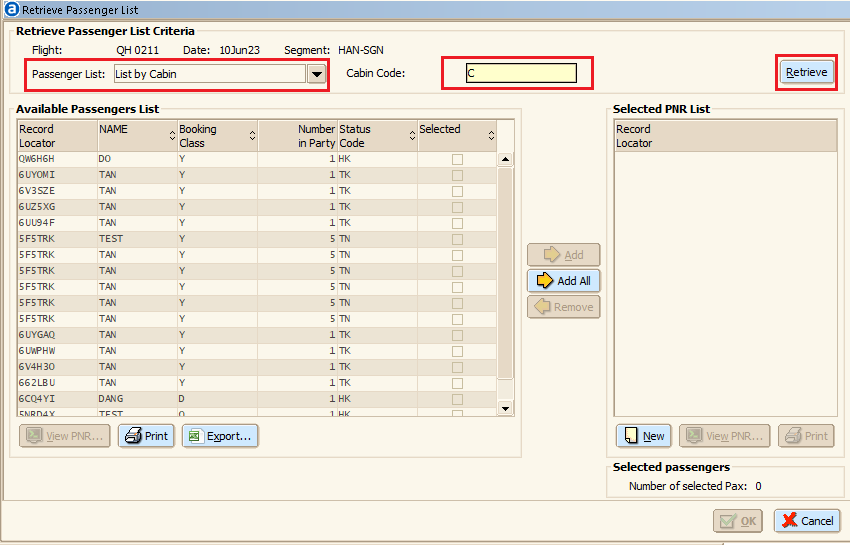
**B15.** Quay lại màn hình Create Passengers List Option 🡪 **Save**



**B16.** Trở về màn hình Reaccom 🡪 Chọn Create PAX List Option để chuyển pax sang chuyến bay thứ 2 (Flight2)

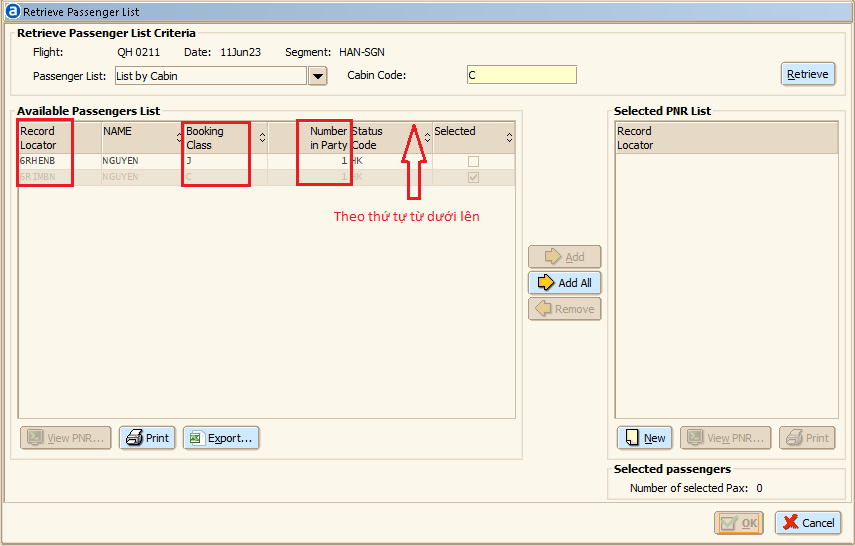
**B17.** Tại màn hình Create Passengers List Option 2 🡪 Chọn **Retrieve Passenger List**

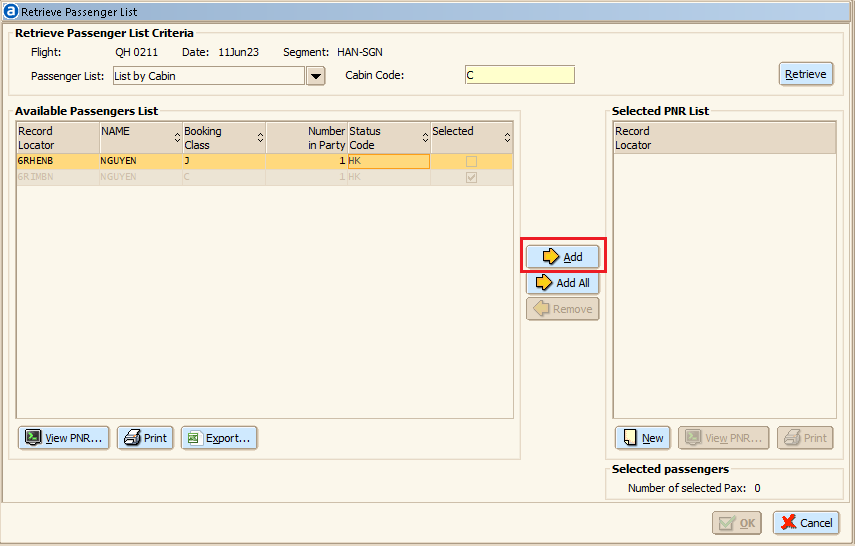
**B18.** Tại drop box Passenger List chọn List by Cabin 🡪 Cabin code điền C class 🡪 **Retrieve**

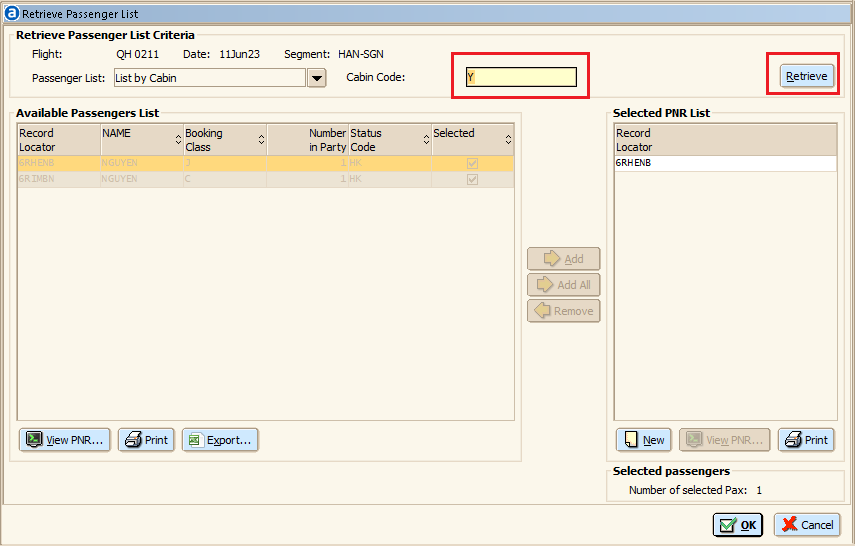


**B19. Booking Class** Chọn các PNR theo thứ tự từ dưới lên trên, loại bỏ PNR IB/OB mà ta vừa lấy ở bước **5.1**

Chọn các PNR sao cho Total **Number In Party** <= với số pax C OVB còn lại 🡪 **Add**

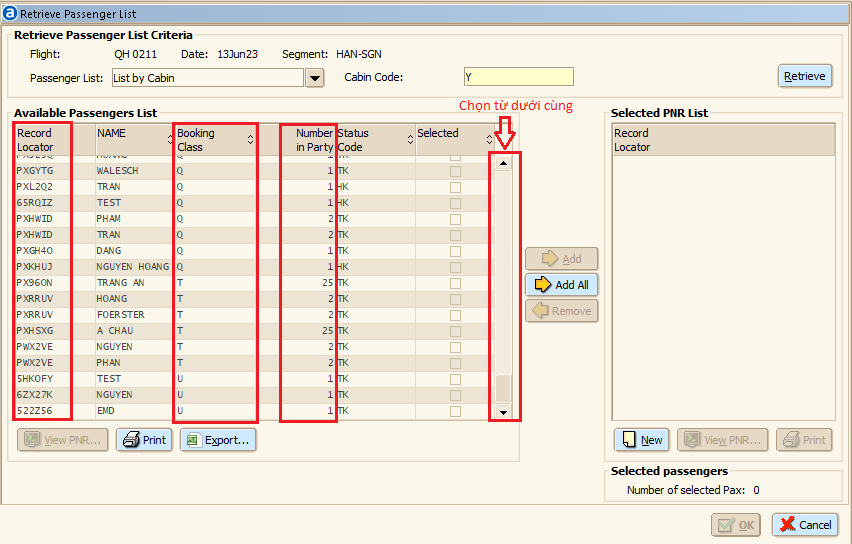


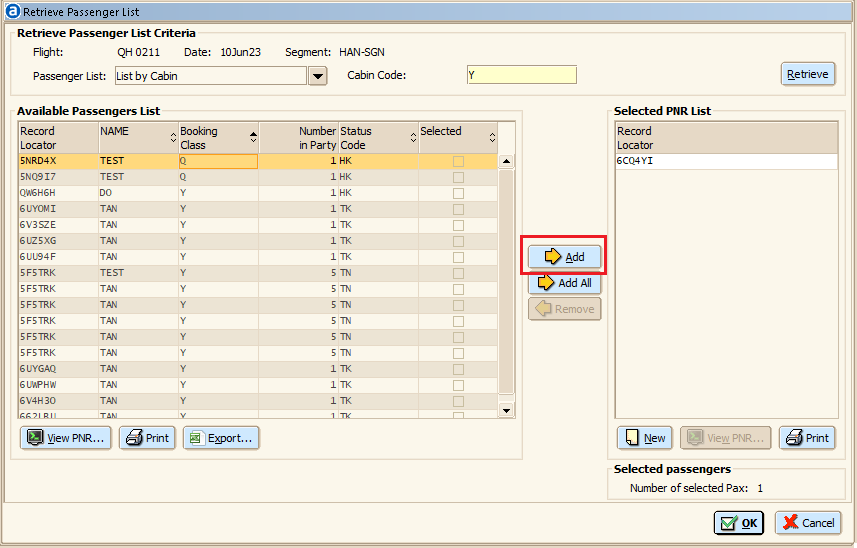
****

**B20.** Sau khi xử lý xong pax C 🡪 Cabin Code chọn Y 🡪 **Retrieve**

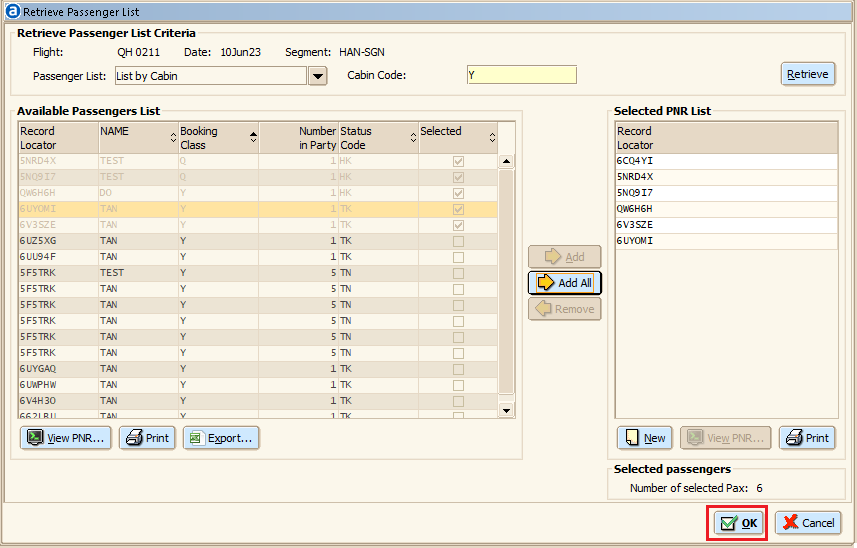
**B21. Booking Class** Chọn các PNR theo thứ tự từ dưới lên trên, loại bỏ PNR IB/OB mà ta vừa lấy ở bước **5.1**

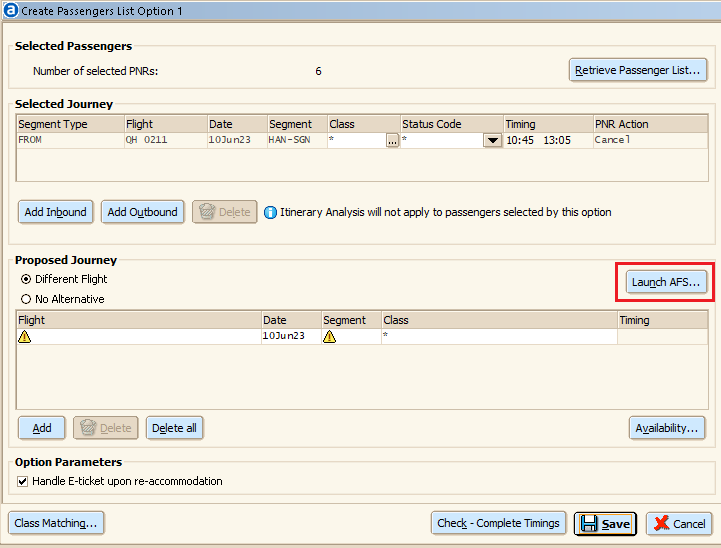
Chọn các PNR sao cho Total **Number In Party** <= với số pax **Y** OVB còn lại 🡪 **Add**

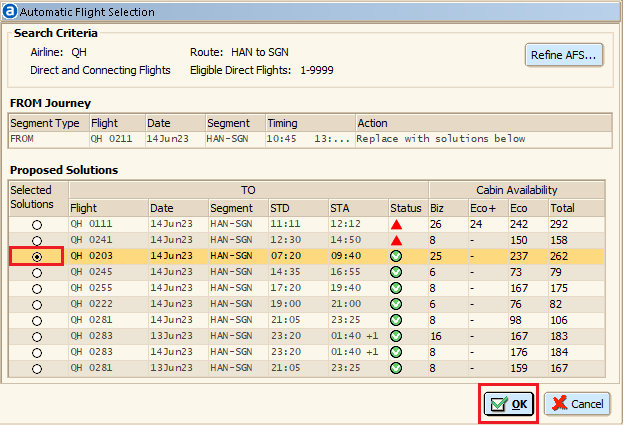


****

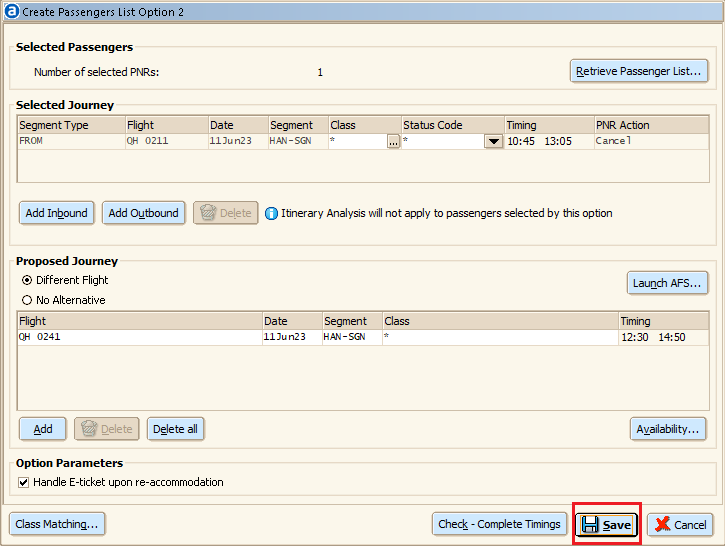
**B22.** Sau khi Add đủ số lượng pax bị OVB từ 2 Cabin 🡪 Chọn **OK**



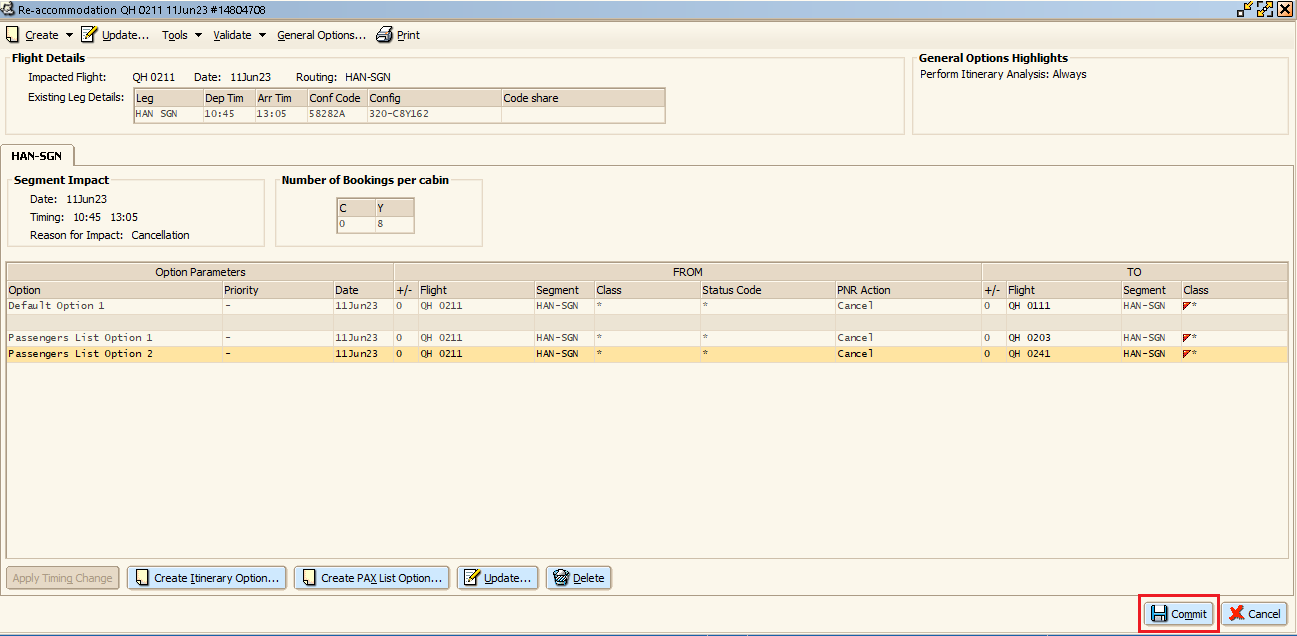
**B23.** Quay lại màn hình Create Passengers List Option 🡪 Chọn **Launch AFS** để chọn chuyến bay cần chuyển pax sang

**B24.** Chọn **Flight2** đã lưu ở **B1** 🡪 **OK**

**B25.** Quay lại màn hình Create Passengers List Option 🡪 **Save**



**Lưu ý:** Tương tự với các phương án có 3 hoặc 4 chuyến bay thay thế trở lên

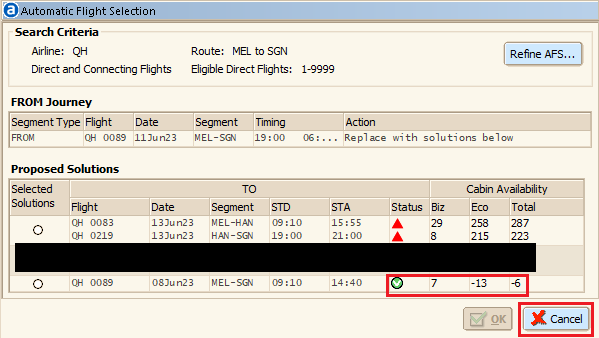
**B26.** Quay lại màn hình Reaccom 🡪 **Commit**

Sau khi xong, quay lại SET để xử lý các chuyến bay tiếp theo

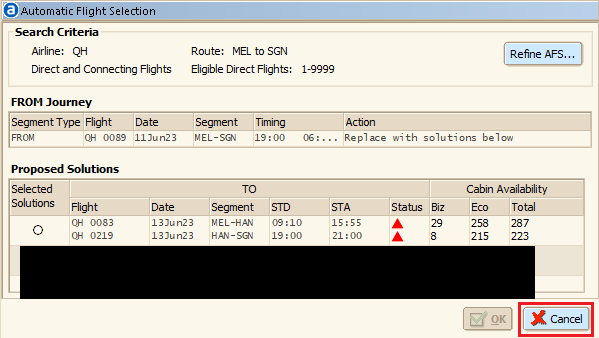
##### b.3. Trường hợp 3: Có phương án nhưng ko còn chỗ chuyển pax (Biz hoặc Eco <= 0)

(sau khi trên màn hình Update Default Option 🡪 Launch AFS )

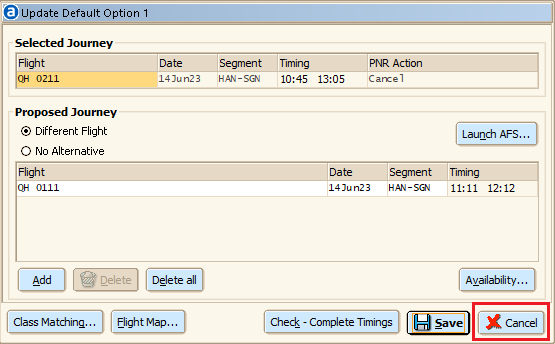
Khi đến bước tạo phương án cho các pax bị OVB mà phương án duy nhất có **Cabin Availability** <= 0

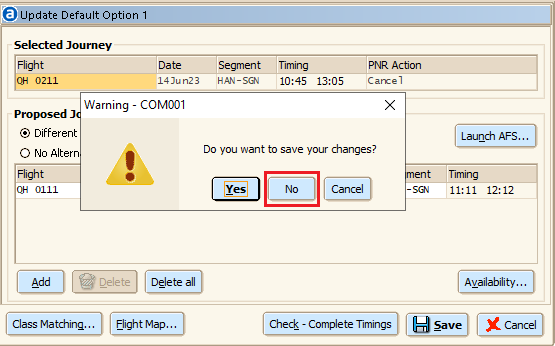


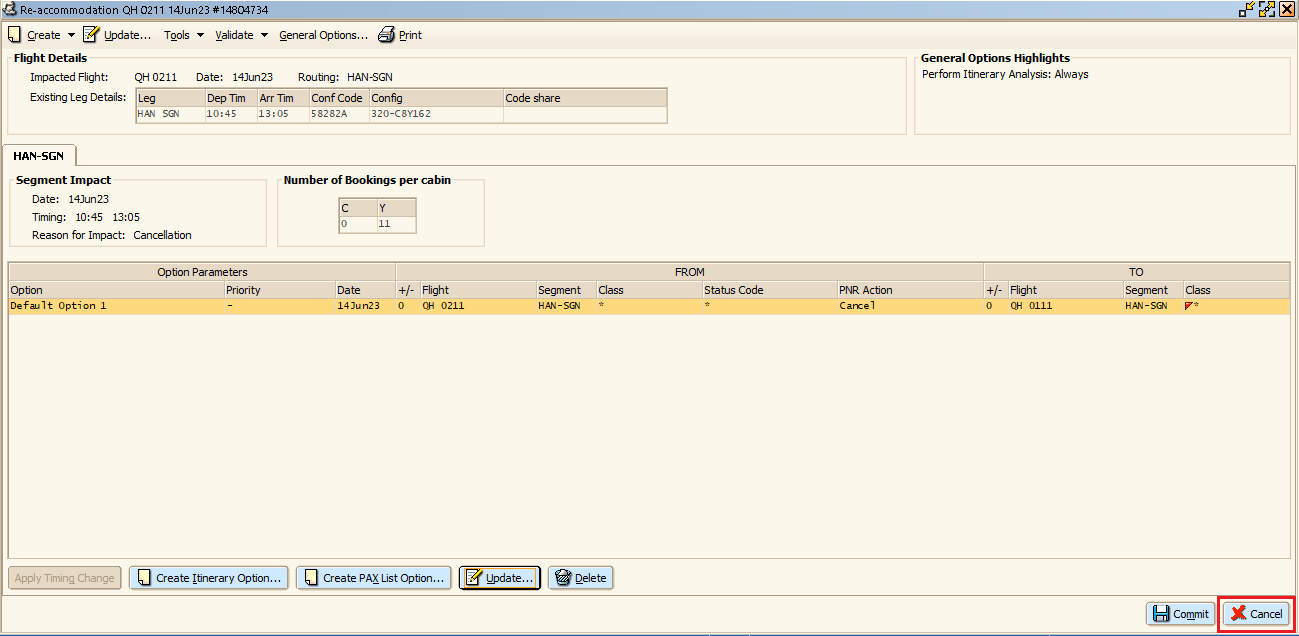
##### b.4. Trường hợp 4: chỉ có 1 phương án Default Option (Status hoặc )



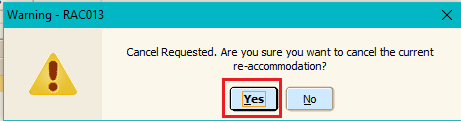
###### Hướng xử lý các trường hợp 3, 4

**B1.** Tại màn hình Automatic Flight Selection 🡪 **Cancel** 🡪 về lại màn hình Update Default Option 🡪 **Cancel**

**B2.** Xuất hiện thông báo 🡪 No

**B3.** Về lại màn hình Reaccom 🡪 Chọn Cancel

**B4.** Sau khi Cancel sẽ xuất hiện 1 cửa sổ Warning 🡪 Chọn **Yes** để hủy bỏ thao tác hủy chuyến bay

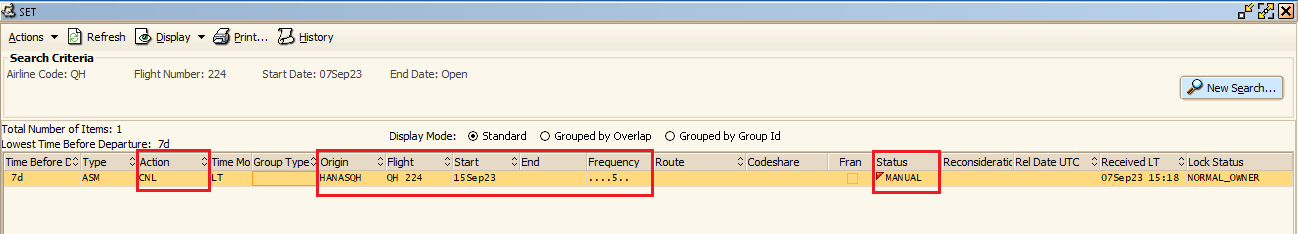


Note chuyến bay vào báo cáo “OVB Flight and No Flight to Protect To” để xử lý SC bằng tay

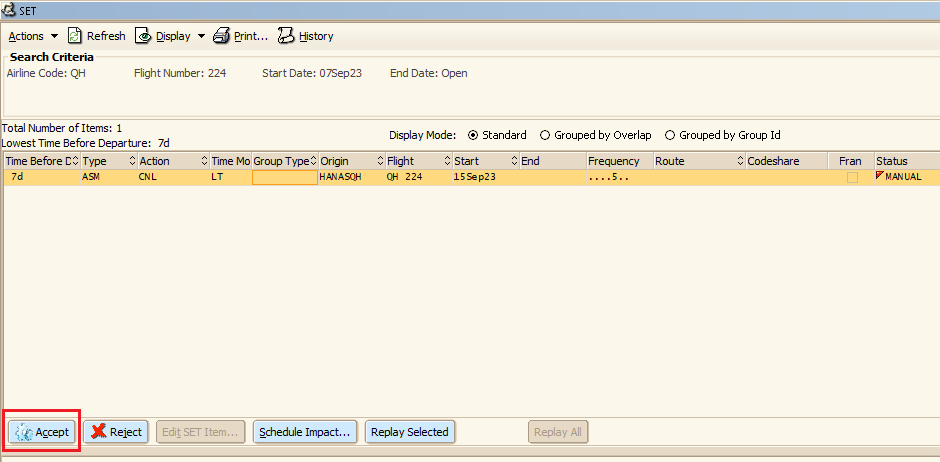
Sau khi xong quay lại SET để chạy tiếp các chuyến bay khác nếu file input vẫn còn

## V. CANCEL (Theo phương án đề xuất)

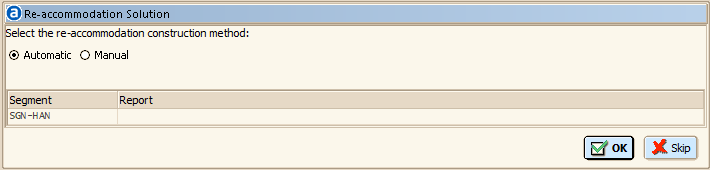
Ví dụ file input đầu vào như sau:

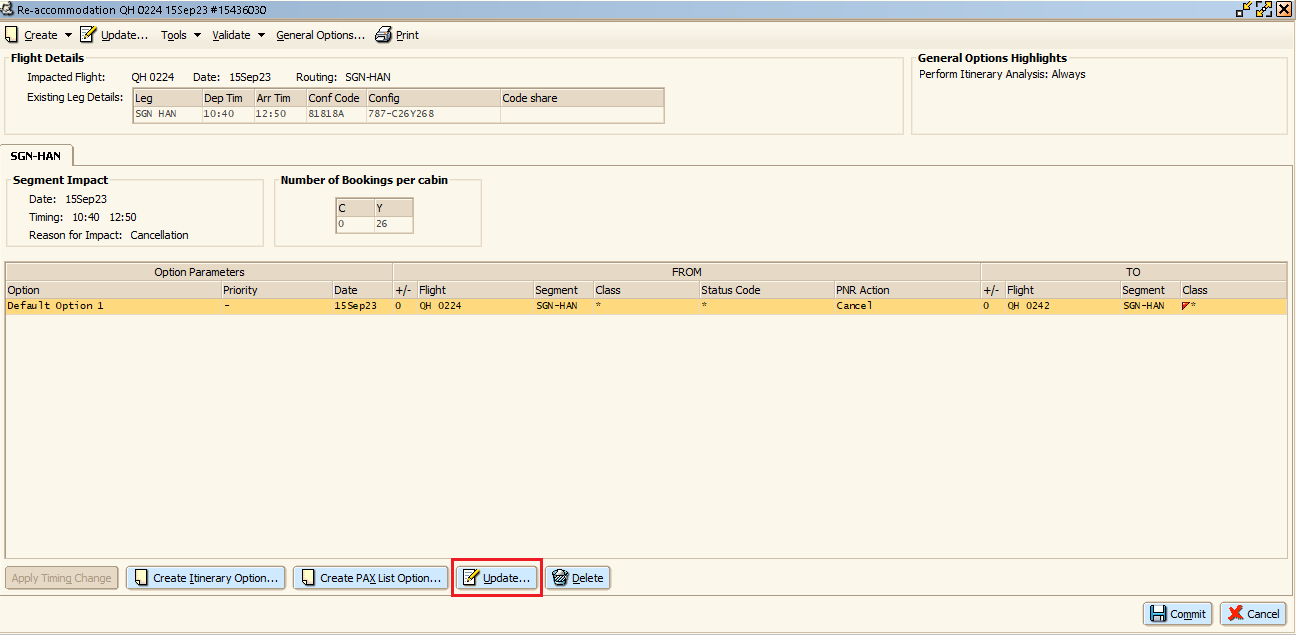
Đối với các chuyến bay có Action **CNL**, status là **Manual** và các thông tin chuyến bay trùng với file input

**B1.** Chọn Accept

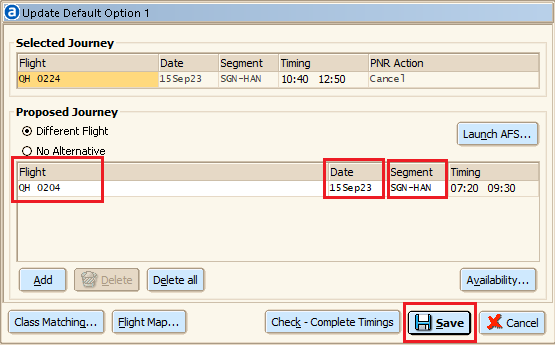


**B2.** Hệ thống sẽ tự nhảy 1 thông báo Reaccom Solution, chọn Automatic 🡪 OK

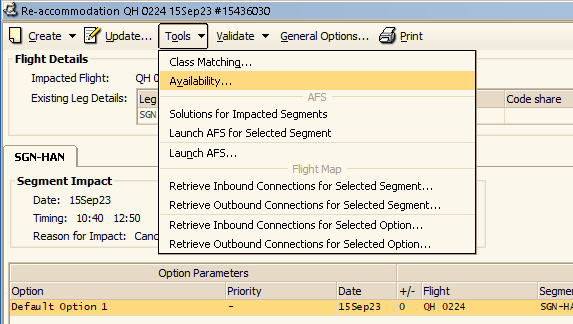


**B3.** Chọn Update

**B4.** Tại bảng **Update Default Option 1** 🡪 Điền Flight/Date/Segment theo như file input 🡪 Save

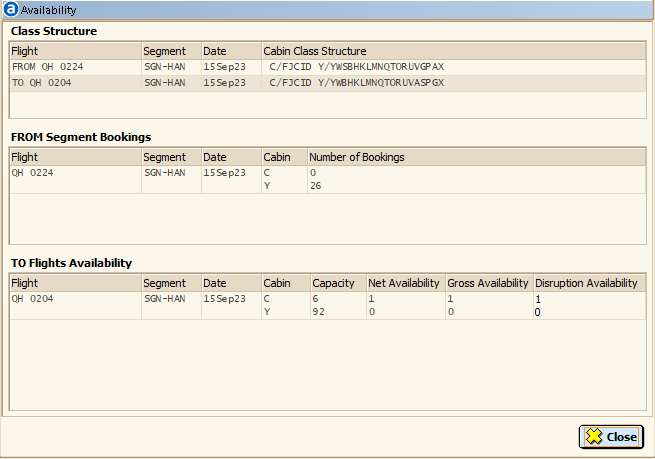


**B5.** Sau khi Save 🡪 Quay trở về cửa sổ Reaccom 🡪 Check Avail qua top menu 🡪 Tools 🡪 Availability



**B6.** Check số lượng chỗ của chuyến bị hủy và chuyến đích

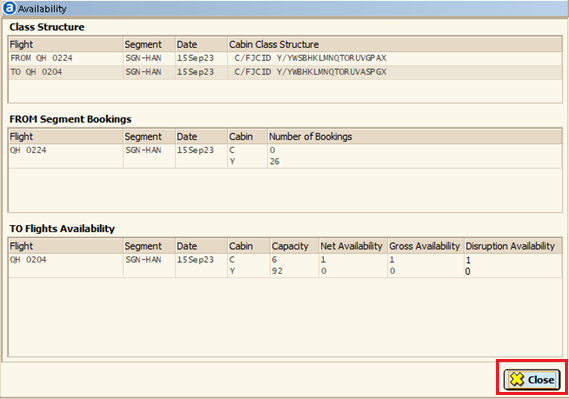
FROM Segment Bookings tìm ở phần **Number of Bookings**

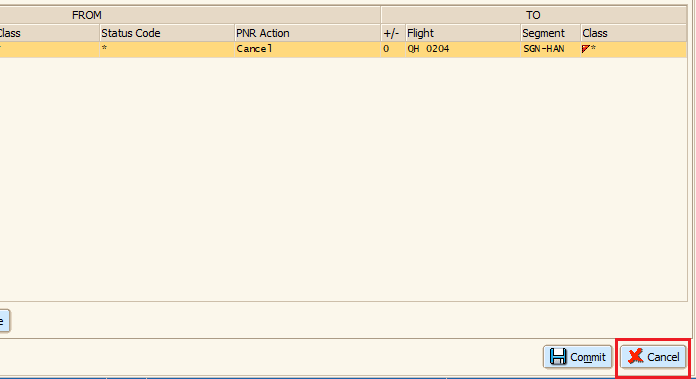
 TO Flight Availability tìm ở phần **Disruption Availability**

***Sẽ có 2 trường hợp xảy ra***

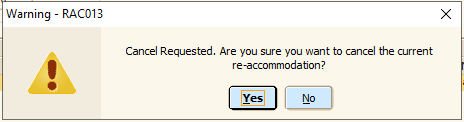
### Chuyến bay đích không đủ chỗ

**B1.** Nếu chuyến bay đích không đủ chỗ 🡪 Close 🡪 Ngoài màn hình Reaccom 🡪 Cancel



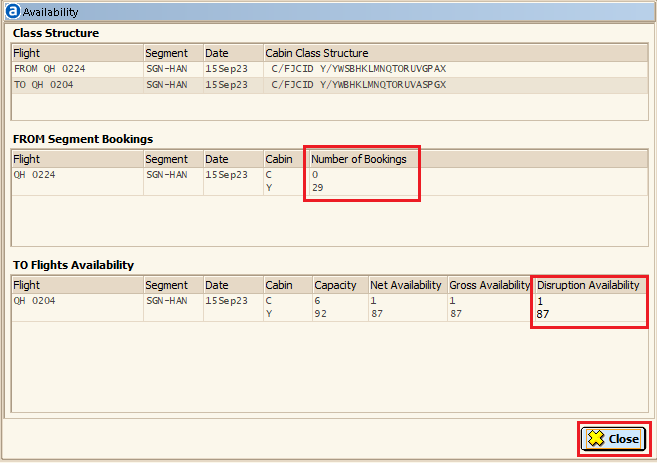


**B2.** Bảng Warning RAC013 hiện ra 🡪 Yes

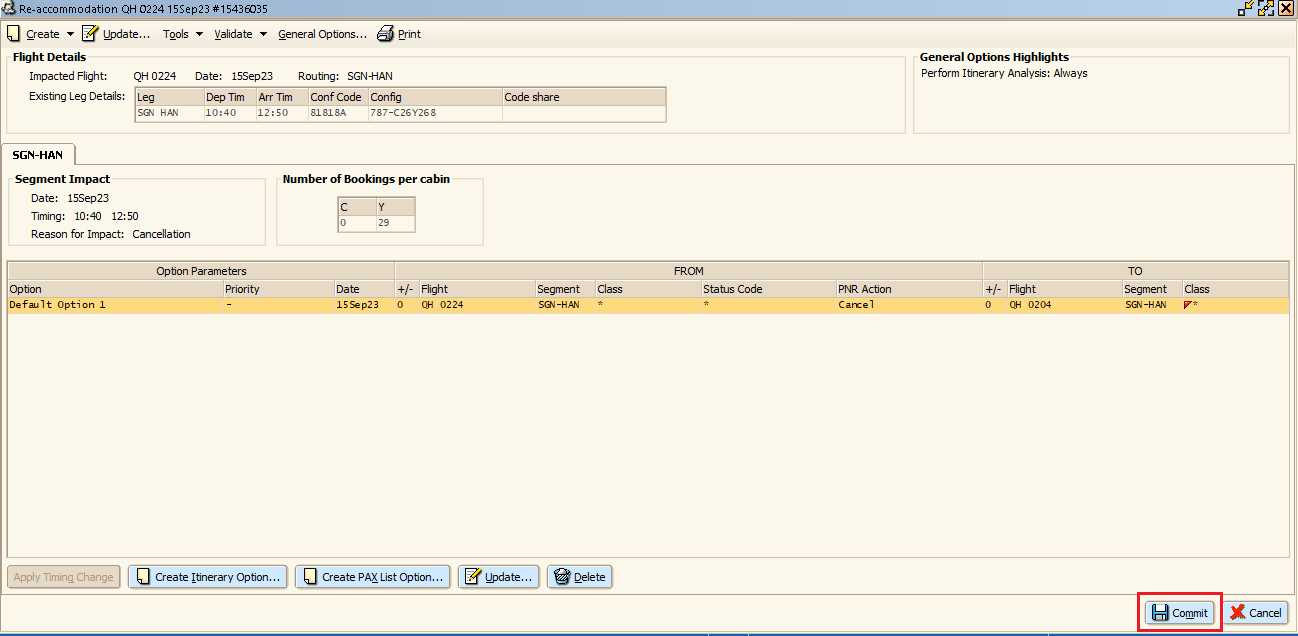


### Chuyến bay đích đủ chỗ

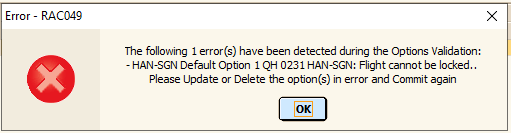
B1. Nếu chuyến bay đích đủ chỗ 🡪 Close



**B2.** Trở ra ngoài màn hình Reaccom 🡪 Commit



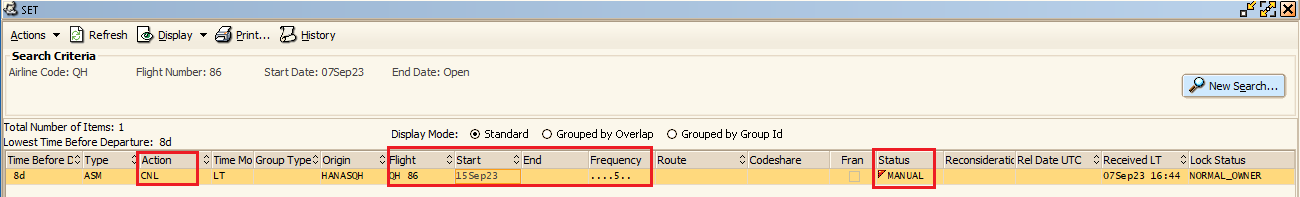
Nếu sau khi Commit lỗi RAC049 hiện ra 🡪 OK 🡪 Thoát chuyến bay và trả về báo cáo (Cannot run due to locked flight)



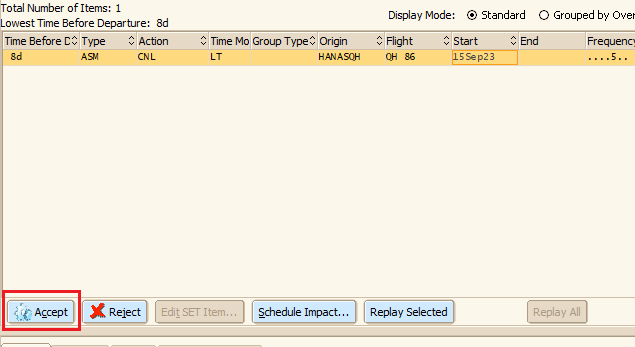
## VI. CANCEL (Non Protect)

Ví dụ file input đầu vào như sau:

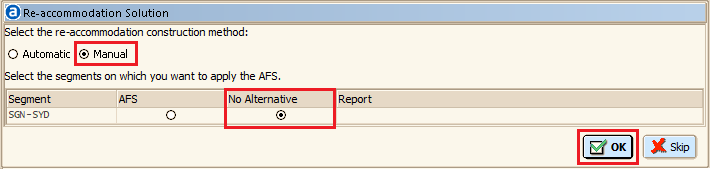


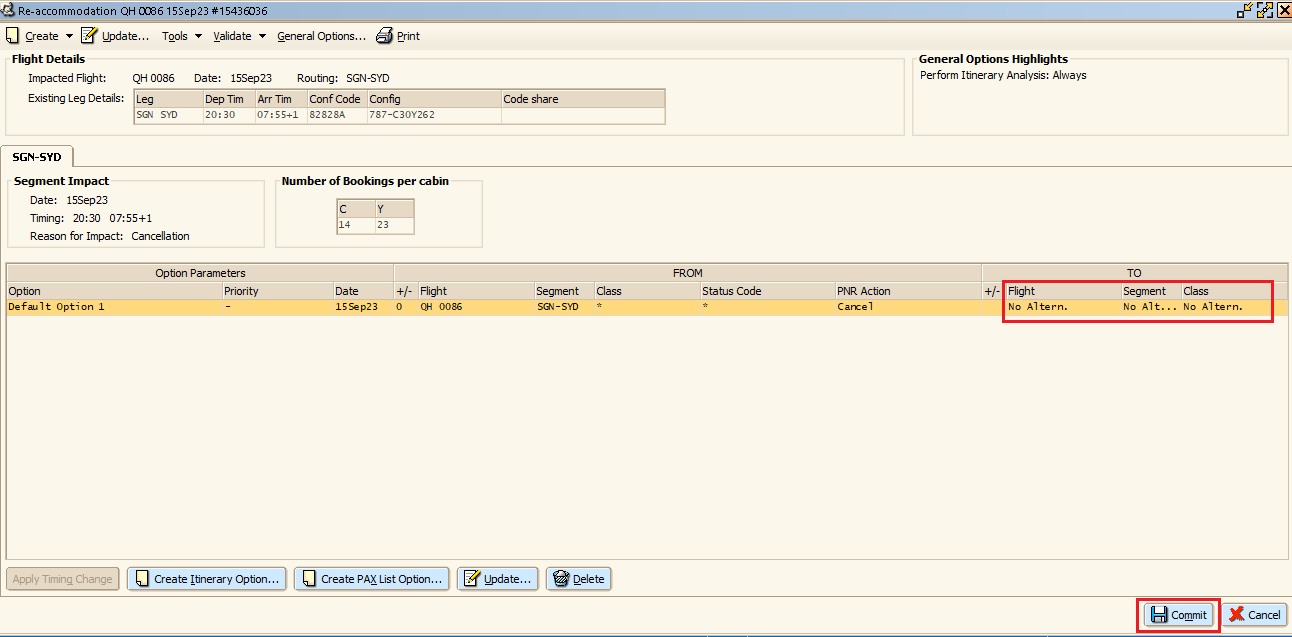
Đối với các chuyến bay có Action **CNL**, status là **Manual** và các thông tin chuyến bay trùng với file input

**B1.** Chọn Accept

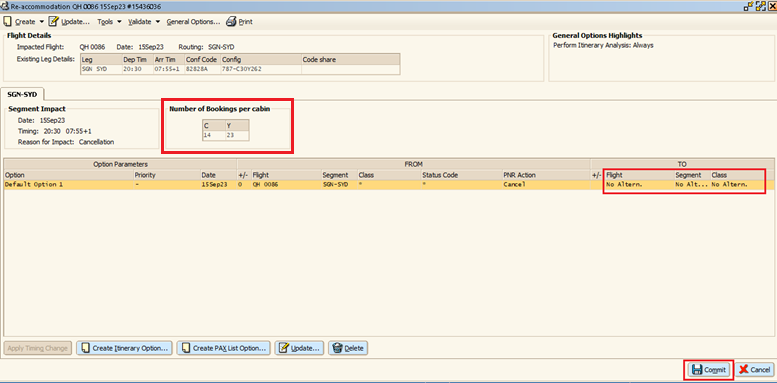


**B2.** Hệ thống sẽ tự nhảy 1 thông báo Reaccom Solution, chọn Manual 🡪 No Alternative 🡪 OK

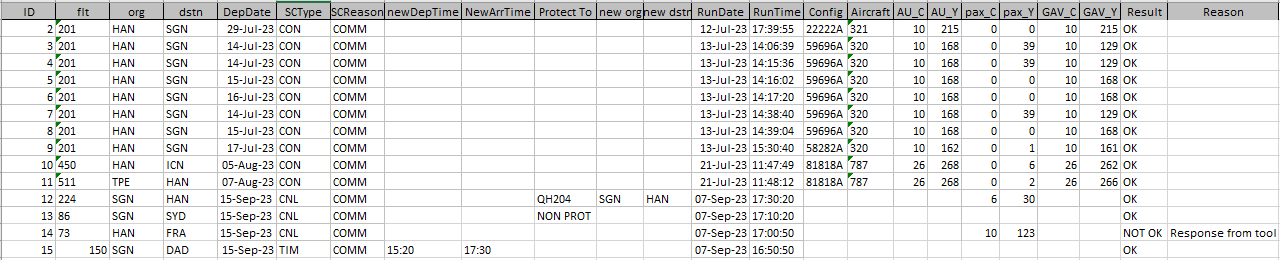


**B3.** Tại màn hình Reaccom 🡪 phần TO Flight/Segment/Class đều sẽ là **No Altern.**

B4. Check avail chuyến bay lấy danh sách C và Y (để lưu báo cáo) 🡪 **Commit**



## VII. BÁO CÁO

Mẫu báo cáo trả về trên file access **SkdChg1A**